

<http://vietdown.org>

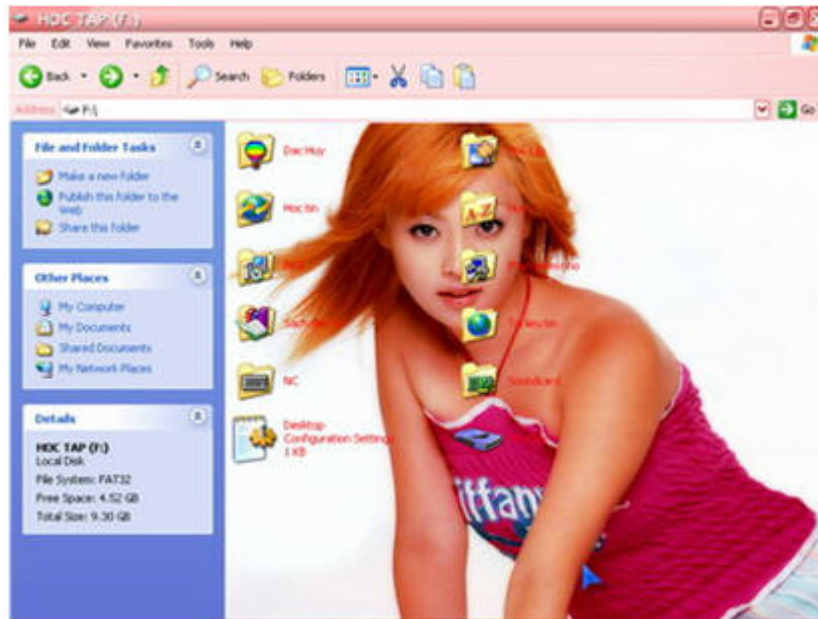
Sư Tâm Thủ Thuật

PI

Thiết Kế: Nguyễn Anh Tú

CHÈN HÌNH ẢNH VÀ THAY MÀU CHỮ TRÊN NỀN CỦA FOLDER TRONG WINXP.

Nếu bạn đã từng dùng Win98-Me, thì chắc bạn sẽ rất có ấn tượng với tính năng cho phép chèn ảnh và thay đổi màu sắc font chữ trên nền của folder, nhưng tiếc là trong WinXp bác Bill lại không hỗ trợ tính năng này, nhưng có một cách để thực hiện tính năng này, bạn phải tạo một file desktop.ini, bạn có thể tìm thấy nó trong mọi folder của Win98- Me, hay có thể tự tạo bằng notepad, mở notepad và đánh (copy) nguyên văn đoạn code sau :



```
[.ShellClassInfo]
IconFile=%SystemRoot%\system32\SHELL32.dll
IconIndex=3
ConfirmFileOp=0
```

```
[ExtShellFolderViews]
{BE098140-A513-11D0-A3A4-00C04FD706EC}={BE098140-A513-11D0-A3A4-00C04FD706EC}
```

```
[{BE098140-A513-11D0-A3A4-00C04FD706EC}]
Attributes=1
IconArea_Image=E:\Hinh anh\koyoko fukada\ips_fukada_kyoko152.jpg
IconArea_Text=0x000000FF
```

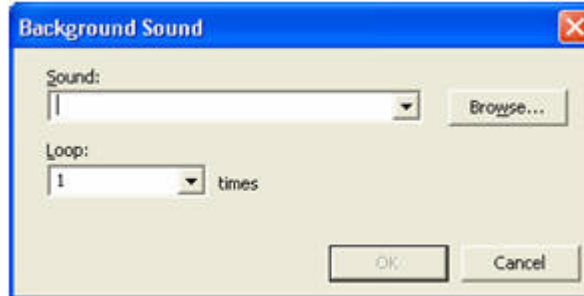
- Trong đó dòng IconArea_Image= bạn đánh đường dẫn đến hình mà bạn muốn nó xuất hiện trong folder, bạn nên đánh đường dẫn ngắn như tôi thì hơn, và nhớ là đánh luôn cả đuôi của nó.
- Dòng IconArea_Text=0x000000FF qui định màu font chữ trong folder, trong ví dụ màu chữ của tôi là màu đỏ, bạn chỉ nên thay đổi dãy số sau chữ "x" với các màu :
 - 000000 là màu đen là màu mặc định, FFFF00 : màu xanh dương Bạn có thể tự tìm thêm.
- Sau đó lưu lại file với tên desktop.ini (nhớ .ini là đuôi file chứ không phải là tên), bây giờ bạn có thể dán file này kèm ảnh nền của bạn (ví dụ của tôi là hình ips_fukada_kyoko152.jpg) vào bất kì folder nào mà

bạn muốn thay đổi, thoát ra khỏi folder ấy sau đó vào lại, và “hãy cảm nhận sự khác biệt” . Theo tôi bạn nên để đặt tính ẩn cho file desktop.ini và file ảnh kẻ có kẻ phá hoại.
Nào các bạn hãy cho bác Bill “Gay” mang dấu ấn của mình đi nào.

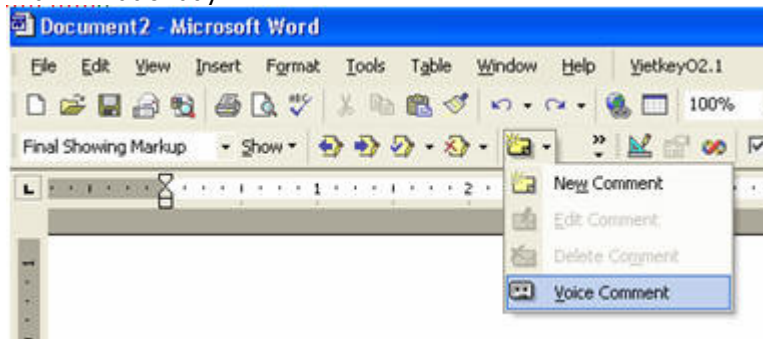
CHÈN ÂM THANH VÀO VĂN BẢN WORD

Đôi khi, do yêu cầu công việc, bạn phải chuẩn bị một văn bản có kèm thêm âm thanh (nhạc, lời chú thích...), khi đó bạn sẽ xử lý ra sao ? Có 2 phương pháp giải quyết vấn đề này, tùy theo từng trường hợp cụ thể mà bạn lựa chọn phương pháp thích hợp (áp dụng cho Word XP).

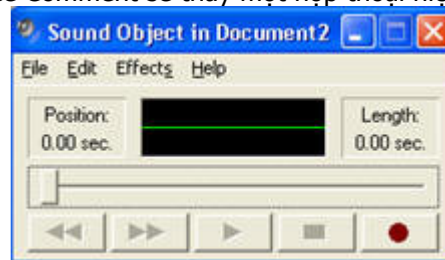
- **Phương pháp 1 : Dùng công cụ Sound trong Web Tools**
 - Áp dụng phương pháp này, mỗi khi mở văn bản, âm thanh sẽ được phát ra ngay, cụ thể cần thực hiện như sau :
 - Click chuột phải vào chỗ trống bất kỳ trên thanh công cụ, chọn dấu check vào chữ Web Tools.
 - Trên thanh Web Tools, bạn thấy biểu tượng hình cái loa có dấu mũi tên chỉ vào văn bản, click chuột vào nó, hộp thoại sau đây sẽ hiện ra :



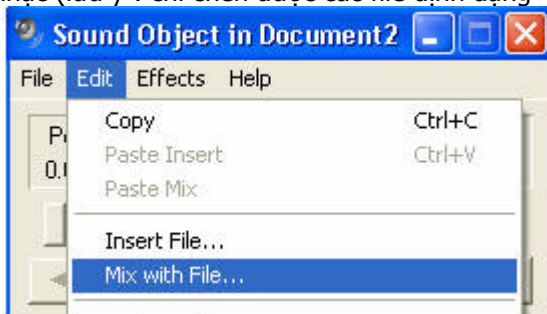
- Click vào chữ Browse rồi chọn địa chỉ file âm thanh (chỉ dùng được các file dạng *.midi, *.wav, *.mid, *.rmi, *.au, *.aif, *.aiff, *.snd)
 - Click vào dấu mũi tên trước chữ times để chọn số lần lặp lại âm thanh.
 - Sau đó click chuột vào nút OK là xong.
- **Phương pháp 2 : Dùng chức năng Insert Comment**
 - Phương pháp này có thể quản lý được lúc nào nên phát âm thanh, lúc nào không.
 - Muốn chèn âm thanh ở đoạn văn bản nào, bạn bao khối đoạn đó (hoặc đặt con trỏ ở cuối đoạn), sau đó bấm chuột phải vào chỗ trống bất kỳ trên thanh công cụ, mở thanh Reviewing. Bạn rê chuột vào biểu tượng New Comment, click vào dấu mũi tên chỉ xuống ở bên cạnh sẽ thấy menu thả như hình dưới đây :




- Bạn click chuột vào chữ Voice Comment sẽ thấy một hộp thoại hiện ra như sau :



- Nếu máy bạn có sound card và micro, bạn có thể ghi âm lời của mình để chú thích cho đoạn văn bản. Còn nếu bạn muốn chèn nhạc, hãy mở menu Edit>Mix with File như hình bên dưới, rồi chỉ định địa chỉ cho file nhạc (lưu ý : chỉ chèn được các file định dạng *.wav)



- Sau khi hoàn tất các bước trên, bạn mở menu File, chọn Exit & Return to Document. Bạn sẽ thấy cuối đoạn văn bản xuất hiện biểu tượng cái loa như vậy 
- Nếu muốn nghe âm thanh : bạn bấm đúp chuột vào nó, muốn hiệu chỉnh lại âm thanh : nhấp chuột phải, chọn Sound Recorder Document Object>Edit, muốn xóa bỏ âm thanh : nhấp chuột vào nó một lần rồi bấm Delete.

CẮT GHÉP CÁC TẬP TIN ÂM THANH BẰNG TIỆN ÍCH CÓ SẴN TRONG WINDOWS XP

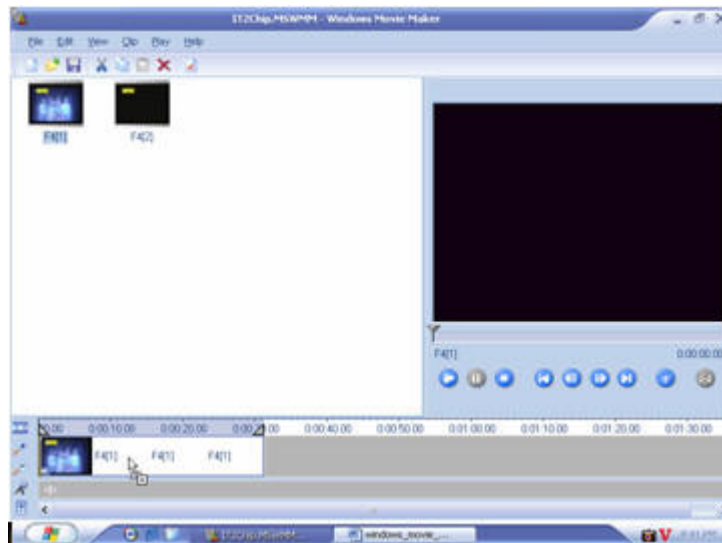
Nếu bạn muốn cắt nhỏ hoặc ghép nối các tập tin Audio và Movie giúp cho việc lưu trữ và xử lý tốt hơn . Bạn không cần phải tải về thêm bất kỳ chương trình nào cả Vì trong Windows XP đã có tích hợp sẵn một tiện ích khá hay có khả năng làm được công việc này . Đó là tiện ích Windows Movie Maker (WMM) (All Programs > Accessories > Windows Movie Maker hoặc Menu Start > Run > moviemk.exe) .

- Cắt tập tin âm thanh , video

+ Để cắt một File Video và âm thanh , bạn cần qua các bước sau :

* Bước 1 : Vào Menu File > Import để nhập tập tin nguồn vào . WMM hỗ trợ khá nhiều định dạng Audio và Movies như asf , au , avi , dat , m1v , mp2 , mp3 , mpeg , snd , wma , wav ...

* Bước 2 : Kéo và thả tập tin cần cắt nhỏ vào thanh StoryBoard / TimeLine phía dưới cửa sổ chương trình



*Bước 3 : Kéo đến vị trí đầu đoạn phim , âm thanh bạn cần trích và kéo đến vị trí cuối đoạn . Sau đó nhấn nút để nghe thử đoạn trích .

*Bước cuối cùng : Sau khi đã hài lòng , bạn vào Menu File > Save Movies . Hộp thoại Save Movie xuất hiện , Trong phần setting bạn có thể tùy ý chọn chất lượng là Low , Medium hay High quality (Nên nhớ chất lượng càng cao thì dung lượng tập tin càng khổng lồ) . Phần Display Information , điền vào Title (tiêu đề) Author (Tác giả) Date (ngày tạo) Description (mô tả) ... nếu cảm thấy cần thiết . Sau đó nhấn Ok và chọn nơi lưu tập tin . Lưu ý : Windows Movie Maker chỉ hỗ trợ lưu dưới định dạng là WMV mà thôi .



- Ngoài ra Windows Movie Maker còn có khả năng tự động cắt nhỏ thành nhiều đoạn theo thời lượng (tính bằng giây) . Để WMM tự động chia bài nhạc thành nhiều đoạn có cùng thời lượng là 20 giây , bạn vào Menu View > Options . Trong hộp thoại Options , bạn đánh dấu chọn vào Ô kiểm " Automatically create clips " , nhập thời lượng của mỗi đoạn vào " Default imported photo duration (seconds) : " (Ở đây tôi nhập vào 20 giây) . Sau đó nhấn OK . Từ nay , sau khi Import bất kì tập tin audio hay Video nào , WMM luôn tự chia nhỏ tập tin thành nhiều đoạn với mỗi đoạn đều dài 20 giây .



- Ghép nối các tập tin âm thanh , video
 - Để ghép nhiều tập tin , đoạn nhạc vào thành một tập tin duy nhất . Tương tự như phần cắt nhỏ , bạn phải Import các tập tin , kéo và thả những tập tin cần nối vào StoryBoard / TimeLine và sau đó là lưu lại . Thế là xong . Quá dễ phải không nào ?



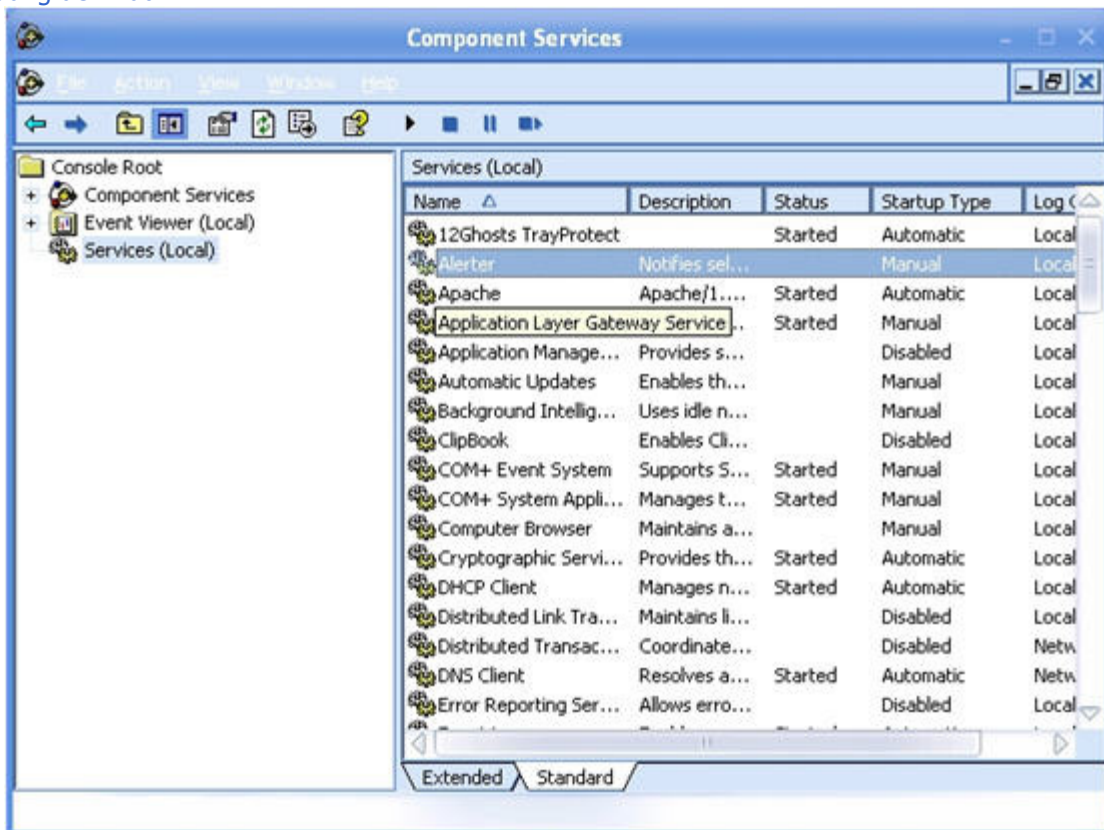
CẢI THIỆN TỐC ĐỘ TRONG WINDOWS XP

Hiện winXP đang là một trong những hệ điều hành được ưa thích bởi vẻ đẹp và các tính năng mới của nó . Đối với các máy tính cấu hình mạnh thì việc chạy WinXP trở nên dễ dàng . Còn đối với các máy cấu hình yếu , đã lỗi thời thì Win XP chạy khá chậm. Trong bài viết này , xin trình bày với các bạn một thủ thuật làm cho Win XP của bạn chạy nhanh hơn và tiết kiệm tài nguyên cấu hệ thống Tí xú .

1 . Tắt bớt các dịch vụ không sử dụng :

Có một số dịch vụ bạn có thể tắt bớt , việc này sẽ giúp cải thiện tốc độ và tài nguyên cho máy . Tìm đọc các mô tả về các Dịch vụ , nếu thấy dịch vụ nào không thật sự cần thiết . bạn có thể nhấp kép vào dịch vụ đó rồi chọn Disable để vô hiệu hóa chúng bạn có thể tìm thấy khá nhiều dịch vụ trong Group policy (Start > run , gõ gpedit.msc) hay trong Administrative Tools (nằm trong Control Panel) . Một vài dịch vụ không cần thiết , bạn có thể tắt mà không ảnh hưởng đến hệ thống :

- Alerter ; Universal Plug and Play Device Host ; Human Interface Devices ; Net Logon ; Indexing Service ; Messenger ; QOS RSVP ; Web Client ; Remote Registry ; Routing & Remote Access ; Fast UserSwitching ; Application Management ; Remote Desktop Help Session Manager ; SSDP Discovery Service ; Clipbook ... : các dịch vụ này đều nằm trong Trong Control Panel > Administrative Tools > Component Services > Services (local) . Chọn và nhấp kép vào các dịch vụ trên , trong Startup type , chọn Disable để không cho tự khởi động với máy hoặc Stopped trong Service Status nếu thấy không cần dùng đến nữa .



2 . Dọn dẹp thư mục Prefecth và Temp.

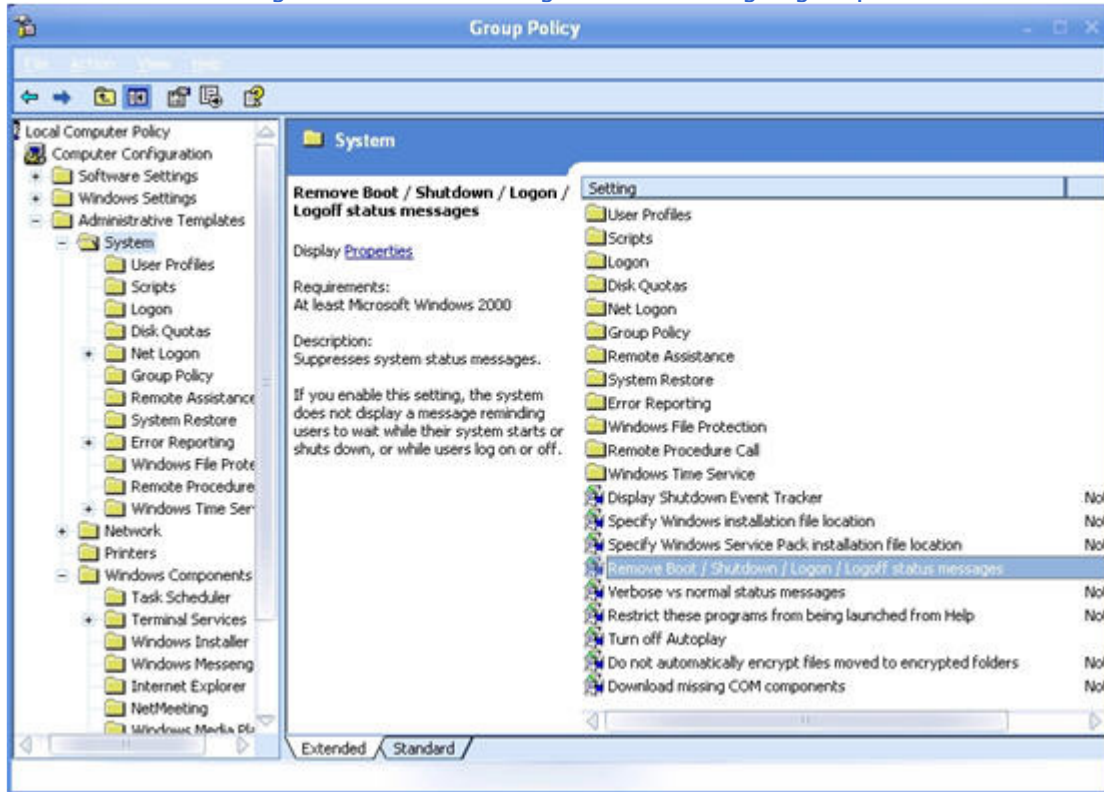
Prefecth là nét đặt trưng mới của Win XP ., nơi đây lưu giữ các Shortcut của các chương trình bạn thường sử

dụng nhằm giúp việc mở chương trình nhanh hơn . Tuy nhiên , càng về sau thư mục này càng bị đầy đi bởi vì chứa quá nhiều shortcut của các chương trình . Để dọn dẹp sạch thư mục này , bạn vào thư mục gốc của windows chọn thư mục prefetch và xóa tất cả những thứ có trong thư mục đó . (Như trong máy tôi là C:/Windows/Prefetch) . Sẵn dịp , bạn vào thêm thư mục Temp cùng nằm trong thư mục Windows để dọn dẹp luôn các File Tạm do quá trình cài đặt các phần mềm để lại .

3 . Không hiển thị thông tin trạng thái khi tắt , mở máy ...

Khi bạn tắt mở máy , bạn sẽ gặp các thông điệp của Windows như Windows is shutting down , saving user's setting ... Bạn có thể vô hiệu hóa chúng nếu thấy không cần thiết bằng cách

- **Cách 1 :** bạn có thể vào GroupPolicy (start > run > gpedit.msc) tìm đến Remove Boot / Shutdown / Logon / Logoff Status messages trong Computer Configuration > Administrative Templates > system . Nhấp kép chuột và chọn Enable để bật tính năng này .
- **Cách 2 :** Nếu bạn không tìm thấy dòng Remove Boot / Shutdown / Logon / Logoff Status messages trong Group Policy ở cách trên, bạn có thể mở Regedit (Start > run > Regedit) , tìm đến HKEY_LOCAL_MACHINE\SOFTWARE\Microsoft\Windows\CurrentVersion\policies\system . Tìm khóa DisableStatusMessages và gán giá trị (value) là 1 . Nếu chưa có , bạn có thể tạo mới bằng cách chọn new > Dword Value và gõ DisableStatusMessages . sau đó vẫn gán giá trị là 1 như trên .



4 . Không sử dụng giao diện đồ họa lúc khởi động

Nếu bạn không cần xem Logo cái Logo khởi động nhảm chán của Windows XP . bạn có thể không sử dụng giao diện đồ họa (GUI) trong lúc khởi động Win . Vào Start > run > msconfig . Chọn thẻ Boot.ini . đánh dấu chọn vào ô /NOGUIBOOT rồi chọn apply , khởi động lại để xem kết quả .

CÁCH SETUP BIOS

Khi khởi động máy lần đầu tiên, máy tính sẽ đọc một tập hợp dữ liệu được lưu trong CMOS (một chip bộ nhớ đặc biệt luôn hoạt động nhờ 1 cục pin nhỏ), không có thông tin này máy tính sẽ bị tê liệt. Việc xác lập các thông tin này gọi là Setup Bios và bao giờ người bán cũng phải làm thủ tục Setup Bios ngay sau khi ráp máy. Nhưng bạn cũng phải biết cách Setup Bios để đề phòng trường hợp máy tự mất các thông tin lưu trong Bios vì các lý do như: Hết pin, nhiều điện, virus...Hiện nay, người ta dùng Flash Ram để lưu thông tin Bios nên không cần phải có Pin nuôi trên mainboard. Tùy Mainboard, các mục trong Bios có thể khác nhau theo từng hãng chế tạo (Award, Ami, Pheonix...) nhưng về căn bản chúng vẫn giống nhau và trong phần này chủ yếu bàn về căn bản, còn các tính năng riêng bạn phải chịu khó tìm hiểu thêm nhờ vào các kiến thức căn bản này.

Màn hình Bios Setup đa số là màn hình chạy ở chế độ TEXT. Gần đây đang phát triển loại BiosWin (Ami) có màn hình Setup gồm nhiều cửa sổ giống tương tự Windows và sử dụng được Mouse trong khi Setup nhưng các mục vẫn không thay đổi.

Chú ý thao tác để vào Bios Setup là: Bấm phím Del khi mới khởi động máy đối với máy Đài Loan. Đối với các máy Mỹ, thường là bạn phải thông qua chương trình quản lý máy riêng của từng hãng nếu muốn thay đổi các thông số của Bios.

* Bios thường: Di chuyển vệt sáng để lựa chọn mục bằng các phím mũi tên. Thay đổi giá trị của mục đang Set bằng 2 phím Page Up và Page Dn. Sau đó nhấn phím Esc để thoát khỏi mục (giá trị mới sẽ được lưu trữ). Nhấn F10 để thoát Setup Bios nếu muốn lưu các thay đổi, khi hộp thoại hiện ra, bấm Y để lưu, N để không lưu. Nhấn Esc nếu muốn thoát mà không lưu thay đổi, khi hộp thoại hiện ra, bấm Y để không lưu, N để trở lại màn hình Setup Bios.

* Bios Win: Màn hình Setup xuất hiện dưới dạng đồ họa gồm nhiều cửa sổ, sử dụng được mouse nếu bạn có mouse loại: PS/2 mouse, Microsoft mouse, Serial mouse, Logitect C mouse. Dùng mouse bấm kép vào cửa sổ để mở một thành phần, bấm vào mục cần thay đổi, một cửa sổ liệt kê giá trị xuất hiện, bấm vào giá trị muốn chọn rồi thoát bằng cách bấm vào ô nhỏ ở góc trên bên trái. Nếu không có mouse, dùng các phím mũi tên để di chuyển, đến mục cần thay đổi bấm Enter, xuất hiện hộp liệt kê, chọn giá trị mới, bấm Enter, cuối cùng bấm Esc.

1. Setup các thành phần căn bản (Standard CMOS Setup):

Đây là các thành phần cơ bản mà Bios trên tất cả các loại máy PC phải biết để quản lý và điều khiển chúng.

* Ngày, giờ (Date/Day/Time):

Bạn khai báo ngày tháng năm vào mục này. Khai báo này sẽ được máy tính xem là thông tin gốc và sẽ bắt đầu tính từ đây trở đi. Các thông tin về ngày giờ được sử dụng khi các bạn tạo hay thao tác với các tập tin, thư mục. Có chương trình khi chạy cũng cần thông tin này, thí dụ để báo cho bạn cập nhật khi quá hạn, chấm dứt hoạt động khi đến ngày quy định...Bình thường bạn Set sai hay không Set cũng chẳng nh hưởng gì đến hoạt động của máy. Các thông tin này có thể sửa chữa trực tiếp ngoài Dos bằng 2 lệnh Date và Time, hay bằng Control Panel của Windows mà không cần vào Bios Setup.

Chú ý: Đồng hồ máy tính luôn luôn chạy chậm khong vài giây/ngày, thỉnh thoảng bạn nên chỉnh lại giờ cho đúng. Nhưng nếu quá chậm là có vấn đề cần phải thay mainboard.

* Ổ đĩa mềm (Drive A/B):

Khai báo loại ổ đĩa cho ổ A và ổ B, bạn căn cứ vào việc nối dây cho ổ đĩa để xác định. Ổ đĩa nối với đầu nối ngoài cùng của dây nối là ổ A, ổ kia là B. Ổ có kích thước lớn là 1.2M 5.25 inch, ổ nhỏ là 1.44M 3.5 inch. Nếu không có thì chọn Not Installed. Nếu bạn khai báo sai, ổ đĩa sẽ không hoạt động chớ không hư hỏng gì, bạn chỉ

cần khai báo lại. Trong các mainboard sử dụng Bios đời mới, khai báo sai loại ổ đĩa 1.2Mb thành 1.4Mb hay ngược lại, ổ đĩa vẫn hoạt động bình thường nhưng kêu rất lớn lúc mới bắt đầu đọc đĩa, về lâu dài có thể hư đĩa.

Các Bios và các card I/O đời mới cho phép bạn tráo đổi 2 ổ đĩa mềm mà không cần tráo đổi dây (swap floppy drive), tức là ổ A thành ổ B và ngược lại khi sử dụng. Khi tráo đổi bằng cách Set jumper trên card I/O, bạn nhớ khai báo lại trong Bios Setup (Khi tráo bằng lệnh Swap trong Bios thì không cần khai báo lại), nhưng có ứng dụng không chịu cài đặt khi Swap đĩa mềm, nhất là các ứng dụng có bảo vệ chống sao chép.

* Ổ đĩa cứng (Drive C/D) loại IDE:

Phần khai báo ổ đĩa cứng rắc rối hơn, bắt buộc bạn phải khai báo chi tiết các thông số, bạn khai báo sai không những ổ cứng không hoạt động mà đôi khi còn làm hư ổ cứng nếu bạn khai báo quá dung lượng thật sự của ổ cứng và cho tiến hành FDISK, FORMAT theo dung lượng sai này. May mắn là các Bios sau này đều có phần dò tìm thông số ổ cứng IDE tự động (IDE HDD auto detection) nên các bạn khỏi mắc công nhớ khi sử dụng ổ đĩa cứng loại IDE. Chúng tôi sẽ nói về phần auto detect này sau. Ngoài ra, các ổ cứng sau này đều có ghi thông số trên nhãn dán trên mặt. Bạn cho chạy Auto detect, Bios sẽ tự động điền các thông số này dùm bạn. Việc khai báo ổ cứng C và D đòi hỏi phải đúng với việc Set các jumper trên 2 ổ cứng. Bạn xác lập ổ cứng không phải qua đầu nối dây mà bằng các jumper trên mạch điều khiển ổ cứng. Các ổ cứng đời mới chỉ có một jumper 3 vị trí: ổ duy nhất, ổ Master (ổ C), ổ Slave (ổ D) và có ghi rõ cách Set trên nhãn. Các ổ đĩa cứng đời cũ nhiều jumper hơn nên nếu không có tài liệu hướng dẫn là rắc rối, phải mò mẫm rất lâu.

* Ổ đĩa cứng (Drive E/F) loại IDE:

Các Bios và các card I/O đời mới cho phép gắn 4 ổ đĩa cứng, vì hiện nay các ổ đĩa CDROM cũng sử dụng đầu nối ổ cứng để hoạt động, gọi là CDROM Interface IDE (giao diện đĩa IDE) để đơn giản việc lắp đặt.

Chú ý: Khai báo là NONE trong Bios Setup cho ổ đĩa CD-ROM.

* Màn hình (Video) - Primary Display:

EGA/VGA: Dành cho loại màn hình sử dụng card màu EGA hay VGA, Super VGA.

CGA 40/CGA 80: Dành cho loại màn hình sử dụng card màu CGA 40 cột hay CGA 80 cột.

Mono: Dành cho loại màn hình sử dụng card trắng đen, kể cả card VGA khi dùng màn hình trắng đen.

* Treo máy nếu phát hiện lỗi khi khởi động (Error Halt):

Tất cả lỗi (All error): Treo máy khi phát hiện bất cứ lỗi nào trong quá trình kiểm tra máy, bạn không nên chọn mục này vì Bios sẽ treo máy khi gặp lỗi đầu tiên nên bạn không thể biết các lỗi khác, nếu có.

Bỏ qua lỗi của Keyboard (All, But Keyboard): Tất cả các lỗi ngoại trừ lỗi của bàn phím.

Bỏ qua lỗi đĩa (All, But Diskette): Tất cả các lỗi ngoại trừ lỗi của đĩa.

Bỏ qua lỗi đĩa và bàn phím (All, But Disk/Key): Tất cả các lỗi ngoại trừ lỗi của ổ đĩa và bàn phím.

Không treo máy khi có lỗi (No error): Tiến hành quá trình kiểm tra máy cho đến khi hoàn tất dù phát hiện bất cứ lỗi gì. Bạn nên chọn mục này để biết máy bị trục trặc ở bộ phận nào mà có phương hướng giải quyết.

* Keyboard:

Install: Cho kiểm tra bàn phím trong quá trình khởi động, thông báo trên màn hình nếu bàn phím có lỗi.

Not Install: Không kiểm tra bàn phím khi khởi động. Chú ý: chọn mục này không có nghĩa là vô hiệu hoá bàn phím vì nếu vậy làm sao điều khiển máy. Nó chỉ có tác dụng cho Bios khởi mắt công kiểm tra bàn phím nhằm rút ngắn thời gian khởi động.

2. Setup các thành phần nâng cao (Advanced Setup):

* Virut Warning:

Nếu Enabled, Bios sẽ báo động và treo máy khi có hành động viết vào Boot sector hay Partition của đĩa cứng. Nếu bạn cần chạy chương trình có thao tác vào 2 nơi đó như: Fdisk, Format... bạn cần phải Disable mục này.

* Internal cache:

Cho hiệu lực (enable) hay vô hiệu hoá (disable) Cache (L1) nội trong CPU 486 trở lên.

* External cache:

Cho hiệu lực (enable) hay vô hiệu hoá (disable) cache trên mainboard, còn gọi là Cache mức 2 (L2).

* Quick Power On Self Test:

Nếu enable Bios sẽ rút ngắn và bỏ qua vài mục không quan trọng trong quá trình khởi động, để giảm thời gian khởi động tối đa.

* About 1 MB Memory Test:

Nếu Enable Bios sẽ kiểm tra tất cả bộ nhớ. Nếu Disable Bios chỉ kiểm tra 1 Mb bộ nhớ đầu tiên.

* Memory Test Tick Sound:

Cho phát âm thanh (enable) hay không (disable) trong thời gian test bộ nhớ.

* Extended Bios Ram Area:

Khai báo mục này nếu muốn dùng 1 Kb trên đỉnh của bộ nhớ quy ước, tức Kb bắt đầu từ địa chỉ 639K hay 0:300 của vùng Bios hệ thống trong bộ nhớ quy ước để lưu các thông tin về đĩa cứng. Xác lập có thể là 1K hay 0:300.

* Swap Floppy Drive:

Tráo đổi tên 2 ổ đĩa mềm, khi chọn mục này bạn không cần khai báo lại loại ổ đĩa như khi tráo bằng cách Set jumper trên card I/O.

* Boot Sequence:

Chọn ổ đĩa cho Bios tìm hệ điều hành khi khởi động. Có thể là C rồi đến A hay A rồi đến C hay chỉ có C. Bạn nên chọn C,A hay chỉ có C, để đề phòng trường hợp vô tình khởi động bằng đĩa mềm có Virus.

Hiện nay trên các Mainboard Pentium. Bios cho phép bạn chỉ định khởi động từ 1 trong 2 ổ mềm hay trong 4 ổ cứng IDE hay bằng ổ cứng SCSI thậm chí bằng ổ CD Rom cũng được.

* **Boot Up Floppy Seek:**

Nếu Enable Bios sẽ dò tìm kiểu của đĩa mềm là 80 track hay 40 track. Nếu Disable Bios sẽ bỏ qua. Chọn enable làm chậm thời gian khởi động vì Bios luôn luôn phải đọc đĩa mềm trước khi đọc đĩa cứng, mặc dù bạn đã chọn chỉ khởi động bằng ổ C.

* **Boot Up Numlock Status:**

Nếu ON là cho phím Numlock mở (đèn Numlock sáng) sau khi khởi động, nhóm phím bên tay phải bàn phím dùng để đánh số. Nếu OFF là cho phím Numlock tắt (đèn Numlock tối), nhóm phím bên tay phải dùng để di chuyển con trỏ.

* **Boot Up System Speed:**

Quy định tốc độ của CPU trong thời gian khởi động là High (cao) hay Low (thấp).

* **Memory Parity Check:**

Kiểm tra chẵn lẻ bộ nhớ. Chọn theo mainboard vì có loại cho phép mục này enable, có loại bắt bạn phải disable mới chịu chạy. Đầu tiên bạn chọn enable, nếu máy treo bạn chọn lại là disable. Mục này không ảnh hưởng đến hệ thống, chỉ có tác dụng kiểm tra Ram.

* **IDE HDD Block Mode:**

Nếu ổ đĩa cứng của bạn hỗ trợ kiểu vận chuyển dữ liệu theo từng khối (các ổ đĩa đời mới có dung lượng cao). Bạn cho enable để tăng tốc cho ổ đĩa. Nếu ổ đĩa đời cũ bạn cho disable mục này.

* **Pri. Master/Slave LBA (Logic Block Addressing) Mode:**

Nếu 2 ổ đĩa cứng được nối vào đầu nối Primary của card I/O có dung lượng lớn hơn 528Mb, bạn cho enable mục này.

* **Sec. IDE Ctrl Drives Install:**

Mục này để khai báo máy bạn có ổ đĩa cứng nối vào đầu nối Secondary của card I/O. Các chỉ định có thể là Master, Mst/Slv và disable.

* **Sec Master/Slave LBA Mode:**

Xác lập LBA cho đầu nối thứ 2.

Chú ý: Các mục hỗ trợ cho ổ đĩa cứng có dung lượng lớn và các card I/O đời mới giúp bạn sử dụng ổ đĩa có dung lượng trên 528Mb. Trong trường hợp bạn cho enable các mục này rồi mới tiến hành Fdisk và Format đĩa, nếu sau đó bạn lại disable các mục này hay đem gắn qua máy khác cũng chọn disable, bạn sẽ không thể sử dụng được ổ đĩa cứng. Khi dùng ổ CDROM có đầu nối IDE, bạn nên gắn vào đầu nối Secondary để khỏi ảnh hưởng đến ổ đĩa cứng (gắn vào đầu nối Pri) khi cần chạy 32BitDiskAccess trong Windows.

* **Typematic Rate Setting:**

Nếu enable là bạn cho 2 mục dưới đây có hiệu lực. 2 mục này thay thế lệnh Mode của DOS, quy định tốc độ và thời gian trễ của bàn phím.

* **Typematic Rate (Chars/Sec):**

Bạn lựa chọn số ký tự/giây tùy theo tốc độ đánh phím nhanh hay chậm của bạn. Nếu bạn Set thấp hơn tốc độ đánh thì máy sẽ phát tiếng Bíp khi nó chạy theo không kịp.

* **Typematic Delay (Msec):**

Chỉ định thời gian lặp lại ký tự khi bạn bấm và giữ luôn phím, tính bằng mili giây.

* **Security Option:**

Mục này dùng để giới hạn việc sử dụng hệ thống và Bios Setup.

Setup: Giới hạn việc thay đổi Bios Setup, mỗi khi muốn vào Bios Setup bạn phải đánh đúng mật khẩu đã quy định trước.

System hay Always: Giới hạn việc sử dụng máy. Mỗi khi mở máy, Bios luôn luôn hỏi mật khẩu, nếu không biết mật khẩu Bios sẽ không cho phép sử dụng máy.

Chú ý: Trong trường hợp bạn chưa chỉ định mật khẩu, để Disable (vô hiệu hoá) mục này, bạn chọn Password Setting, bạn đừng đánh gì vào các ô nhập mật khẩu mà chỉ cần bấm ENTER. Trong trường hợp bạn đã có chỉ định mật khẩu nay lại muốn bỏ đi. Bạn chọn Password Setting, bạn đánh mật khẩu cũ vào ô nhập mật khẩu cũ (Old Password) còn trong ô nhập mật khẩu mới (New Password) bạn đừng đánh gì cả mà chỉ cần bấm ENTER. Có mainboard thiết kế thêm 1 jumper để xoá riêng mật khẩu ngoài jumper để xoá toàn bộ thông tin trong CMOS. Tốt hơn hết là bạn đừng sử dụng mục này vì bản thân chúng tôi chứng kiến rất nhiều trường hợp dở khóc dở cười do mục này gây ra. Lợi ít mà hại nhiều. Chỉ những máy tính công cộng mới phải sử dụng tới mục này thôi.

* **System Bios Shadow, Video Bios Shadow:**

Nếu enable là cho copy các dữ liệu về System và Video trong Bios (có tốc độ chậm) vào Ram (tốc độ nhanh) để rút ngắn thời gian khi cần truy nhập vào các dữ liệu này.

* **Wait for <F1> if Any Error:**

Cho hiện thông báo chờ ấn phím F1 khi có lỗi.

* **Numeric Processor:**

Thông báo có gắn CPU đồng xử lý (Present) trên máy hay không (absent). Mục này thường có cho các máy dùng CPU 286, 386, 486SX. Từ 486DX trở về sau đã có con đồng xử lý bên trong CPU nên trên các máy mới có thể không có mục này.

* **Turbo Switch Funtion:**

Cho nút Turbo có hiệu lực (enable) hay không (disable). Mục này thường thấy ở các Bios đời cũ, trên các máy đời mới lựa chọn này thường bằng cách Set jumper của Mainboard. Từ Mainboard pentium trở đi không có mục này.

3. Setup các thành phần có liên quan đến vận hành hệ thống (Chipset Setup):

* Auto Configuration:

Nếu enable, Bios sẽ tự động xác lập các thành phần về DRAM, Cache...mỗi khi khởi động tùy theo CPU Type (kiểu CPU) và System Clock (tốc độ hệ thống). Nếu Disable là để cho bạn tự chỉ định.

* AT Clock Option:

Nếu Async (không đồng bộ) là lấy dao động chuẩn của bộ dao động thạch anh chia đôi làm tốc độ hoạt động cho AT Bus (bus 8 - 16Bit). Thường là $14.318\text{MHz}/2$ tức 7.159MHz . Có Bios còn cho chọn tốc độ của mục này là 14.318MHz . Nếu Sync (đồng bộ) là dùng System Clock (do bạn chỉ định bằng cách Set jumper trên mainboard) làm tốc độ chuẩn.

* Synchronous AT Clock/AT Bus Clock Selector:

Chỉ định tốc độ hoạt động cho AT Bus bằng cách lấy tốc độ chuẩn (system clock) chia nhỏ để còn lại khoảng 8MHz cho phù hợp với card 16Bit. Các lựa chọn như sau:

CLKI/3 khi system clock là 20 - 25MHz.

CLKI/4 khi system clock là 33MHz.

CLKI/5 khi system clock là 40MHz.

CLKI/6 khi system clock là 50MHz.

Tốc độ này càng lớn (số chia càng nhỏ), máy chạy càng nhanh do tăng tốc độ vận chuyển dữ liệu. Tuy nhiên lớn đến đâu là còn tùy thuộc vào mainboard và card cắm trên các Slot (quan trọng nhất là card I/O). Các bạn phải thí nghiệm giảm số chia từng nấc và chú ý máy có khởi động hay đọc đĩa bình thường không, nếu phát sinh trục trặc thì giảm xuống 1 nấc. Thường thì bạn có thể tăng được 2 nấc, thí dụ: System clock là 40MHz, bạn chọn CLKI/3. Card ISA 8 và 16 Bit có thể chạy tốt trong khoảng từ 8MHz đến 14MHz. Nếu nhanh quá, thường card I/O gặp trục trặc trước (không đọc được đĩa cứng).

* AT Cycle Wait States/Extra AT Cycle WS:

Để enable hay disable việc chèn thêm 1 thời gian chờ vào thời gian chuẩn của AT Bus. Nếu system clock dưới 33MHz chọn disable. Nếu trên 33MHz chọn enable.

* Fast AT Cycle:

Khi enable sẽ rút ngắn thời gian chuẩn của AT Bus.

* DRAM Read Wait States/DRAM Burst Cycle:

Dưới 33MHz là: 3 - 2 - 2 - 2 hay 2 - 1 - 1 - 1

Từ 33 - 45MHz là: 4 - 3 - 3 - 3 hay 2 - 2 - 2 - 2

50MHz là: 5 - 4 - 4 - 4 hay 3 - 2 - 2 - 2

Chọn mục này ảnh hưởng lớn đến tốc độ CPU.

* DRAM/Memory Write Wait States:

Chọn 1WS khi hệ thống nhanh hay DRAM chậm (tốc độ 40MHz trở lên). Chọn 0WS khi hệ thống và DRAM có thể tương thích (33MHz trở xuống).

* Hidden Refresh Option:

Khi enable, CPU sẽ làm việc nhanh hơn do không phải chờ mỗi khi DRAM được làm tươi.

* Slow Refresh Enable:

Mục này nhằm bảo đảm an toàn dữ liệu trên DRAM, thời gian làm tươi sẽ kéo dài hơn bình thường. Bạn chỉ được enable mục này khi bộ nhớ của máy hỗ trợ việc cho phép làm tươi chậm.

* L1 Cache Mode:

Lựa chọn giữa Write-Through và Write-Back cho Cache nội trong CPU 486 trở lên. Xác lập Write-Through máy sẽ chạy chậm hơn Write-Back nhưng việc lựa chọn còn tùy thuộc vào loại CPU.

* L2 Cache Mode:

Xác lập cho cache trên mainboard.

* IDE HDD Auto Detection/IDE SETUP:

Khi chọn mục này sẽ xuất hiện một cửa sổ cho bạn chỉ định ổ đĩa cần dò tìm thông số (2 hay 4 ổ đĩa tùy theo Bios). Sau đó bạn bấm OK hay YES để Bios điền vào phần Standard dùng cho bạn. Trong Bios đời mới, Auto detect có thể đưa ra vài loại ổ đĩa. Tùy theo cách sử dụng ổ đĩa (normal, LBA,...) mà bạn chọn loại thích hợp.

* Power Management Setup:

Đối với CPU 486:

Phần này là các chỉ định cho chương trình tiết kiệm năng lượng sẵn chứa trong các Bios đời mới. Chương trình này dùng được cho cả 2 loại CPU: Loại thường và loại CPU kiểu S. CPU kiểu S hay CPU có 2 ký tự cuối SL là một loại CPU được chế tạo đặc biệt, có thêm bộ phận quản lý năng lượng trong CPU. Do đó trong phần này có 2 loại chỉ định dành cho 2 loại CPU.

Đối với Pentium:

Dùng chung cho mọi loại Pentium hay các chip của các hãng khác cùng đời với Pentium.

* Power Management/Power Saving Mode:

Disable: Không sử dụng chương trình này.

Enable/User Define: Cho chương trình này có hiệu lực.

Min Saving: Dùng các giá trị thời gian dài nhất cho các lựa chọn (tiết kiệm năng lượng ít nhất).

Max Saving: Dùng các giá trị thời gian ngắn nhất cho các lựa chọn (tiết kiệm nhiều nhất).

* Pmi/Smi:

Nếu chọn SMI là máy đang gắn CPU kiểu S của hãng Intel. Nếu chọn Auto là máy đang gắn CPU thường.

* Doze Timer:

Mục này chỉ dùng cho CPU kiểu S. Khi đúng thời gian máy đã rảnh (không nhận được tín hiệu từ các ngắt) theo quy định, CPU tự động hạ tốc độ xuống còn 8MHz. Bạn chọn thời gian theo ý bạn (có thể từ 10 giây đến 4 giờ) hay disable nếu không muốn sử dụng mục này.

* Sleep Timer/Standby timer:

Mục này chỉ dùng cho CPU kiểu S. Chỉ định thời gian máy rảnh trước khi vào chế độ Sleep (ngưng hoạt động). Thời gian có thể từ 10 giây đến 4 giờ.

* Sleep Clock:

Mục này chỉ dùng cho CPU kiểu S: Stop CPU hạ tốc độ xuống còn 0MHz (ngưng hẳn). Slow CPU hạ tốc độ xuống còn 8MHz.

* HDD Standby Timer/HDD Power Down:

Chỉ định thời gian ngừng motor của ổ đĩa cứng.

* CRT Sleep:

Nếu Enable là màn hình sẽ tắt khi máy vào chế độ Sleep.

* Chỉ định:

Các chỉ định cho chương trình quản lý nguồn biết cần kiểm tra bộ phận nào khi chạy.

Chú ý: Do Bios được sản xuất để sử dụng cho nhiều loại máy khác nhau nên các bạn luôn luôn gặp phần này trong các Bios. Thực ra chúng chỉ có giá trị cho các máy xách tay (laptop) vì xài pin nên vấn đề tiết kiệm năng lượng được đặt lên hàng đầu. Chúng tôi khuyên các bạn đang sử dụng máy để bàn (desktop) nên vô hiệu hoá tất cả các mục trong phần này, để tránh các tình huống bất ngờ như: đang cài chương trình, tự nhiên máy ngưng hoạt động, đang chạy Defrag tự nhiên máy chậm cực kỳ...

4. Phần dành riêng cho Mainboard theo chuẩn giao tiếp PCI có I/O và IDE On Board (peripheral Setup):

* PCI On Board IDE:

Cho hiệu lực (enabled) hay vô hiệu (disabled) 2 đầu nối ổ đĩa cứng IDE trên mainboard. Khi sử dụng Card PCI IDE rời, ta cần chọn disabled.

* PCI On Board Secondary IDE:

Cho hiệu lực (enabled) hay vô hiệu (disabled) đầu nối ổ đĩa cứng IDE thứ 2 trên mainboard. Mục này bổ sung cho mục trên và chỉ có tác dụng với đầu nối thứ 2.

* PCI On Board Speed Mode:

Chỉ định kiểu vận chuyển dữ liệu (PIO speed mode). Có thể là Disabled, mode 1, mode 2, mode 3, mode 4, Auto. Trong đó mode 4 là nhanh nhất.

* PCI Card Present on:

Khai báo có sử dụng Card PCI IDE rời hay không và nếu có thì được cắm vào Slot nào. Các mục chọn là: Disabled, Auto, Slot 1, Slot 2, Slot 3, Slot 4.

* PCI IRQ, PCI Primary IDE IRQ, PCI Secondary IDE IRQ:

Chỉ định cách xác lập ngắt cho Card PCI IDE rời.

Chú ý: Trong mục này có phần xác lập thứ tự gán ngắt cho các Card bổ sung. Thí dụ: 1 = 9, 2 = 10, 3 = 11, 4 = 12 có nghĩa là Card đầu tiên cắm vào bất kỳ Slot nào sẽ được gán ngắt 9, nếu có 2 Card thì Card cắm vào Slot có số thứ tự nhỏ sẽ được gán ngắt 9, Slot có số thứ tự lớn sẽ được gán ngắt 10.v.v...

* IDE 32Bit Transfers Mode:

Xác lập này nhằm tăng cường tốc độ cho ổ đĩa cứng trên 528Mb, nhưng cũng có ổ đĩa không khởi động được khi enabled mục này dù fdisk và format vẫn bình thường.

* Host to PCI Post Write W/S, Host to PCI Burst Write, Host to DRAM Burst Write:

Các mục này xác lập cho PCU Bus, không ảnh hưởng nhiều đến tốc độ CPU, có thể để nguyên xác lập mặc nhiên.

* PCI Bus Park, Post Write Buffer:

Khi enabled các mục này có thể tăng cường thêm tốc độ hệ thống.

* FDC Control:

Cho hiệu lực hay không đầu nối cáp và xác lập địa chỉ cho ổ đĩa mềm.

* Primary Seral Port:

Cho hiệu lực hay không cổng COM 1 và xác lập địa chỉ cho cổng này.

* Secondary Serial Port:

Cho hiệu lực hay không cổng COM 2 và xác lập địa chỉ cho cổng này. Chú ý: Nếu bạn sử dụng Card bổ sung có xác lập địa chỉ là COM 1 hay COM 2, bạn phải disabled cổng tương ứng trong hai mục trên.

* Parallel Port:

Cho hiệu lực hay không cổng LPT 1 và xác lập địa chỉ cho cổng này.

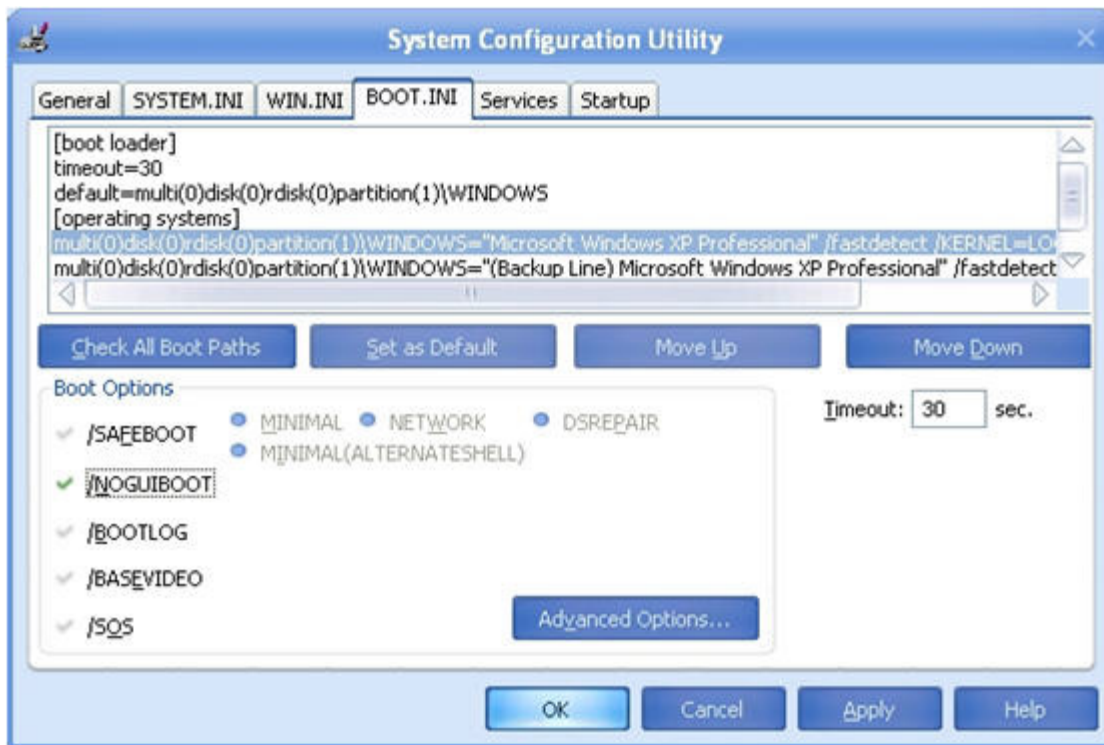
5. Hướng dẫn Setup Bios:

Trong các tài liệu đi kèm mainboard, đều có hướng dẫn Setup Bios. Khi mua máy hay mua mainboard, các bạn nhớ đòi các tài liệu này vì nó rất cần cho việc sử dụng máy.

Trong các phần Setup trên, phần Standard, Advanced có ảnh hưởng đến việc cấu hình máy. Phần Chipset ảnh hưởng đến tốc độ máy. Phần PCI ảnh hưởng đến các gán ngắt, địa chỉ cho các Slot PCI, cổng; cách vận chuyển dữ liệu cho IDE On Board.

Nếu gặp các thành phần hoàn toàn mới, trước tiên bạn hãy Set các thành phần đã biết, kiểm tra việc thay đổi của máy, cuối cùng mới Set tới các thành phần chưa biết. Chúng tôi xin nhắc lại, việc Setup Bios sai không bao giờ làm hư máy và các bạn sẽ dễ dàng Setup lại nhờ vào chính Bios. Trên mainboard luôn luôn có 1 Jumper dùng để xóa các thông tin lưu trong CMOS để bạn có thể tạo lại các thông tin này trong trường hợp không thể vào lại Bios Setup khi khởi động máy.

Khi tiến hành tìm hiểu Setup Bios, bạn nên theo một nguyên tắc sau: Chỉ Set từng mục một rồi khởi động máy lại, chạy các chương trình kiểm tra để xem tốc độ CPU, ổ đĩa có thay đổi gì không?. Cách làm này giúp bạn phát hiện được ảnh hưởng của từng mục vào hệ thống và bạn có thể biết chắc trực tiếp phát sinh do mục nào để sửa chữa. Khi xảy ra trục trặc mà bạn không biết đối phó, bạn chỉ cần vào lại Bios Setup chọn Load Bios Default hay bấm F6 trong phần Set mà bạn muốn phục hồi sau đó khởi động máy lại là xong.



5 . Bỏ bớt các hiệu ứng đồ họa trong Win XP

Mặc định , Win XP sử dụng khá nhiều hiệu ứng đồ họa : Slide , Fade , Shadows đủ thứ . Vì thế , đã làm giảm tốc độ và tài nguyên của CPU vì phải xử lý các hiệu ứng đó . Bạn có thể bỏ bớt một số hiệu ứng nếu CPU , và card đồ họa của bạn "không phải" xịn lắm .

Để tắt bớt , bạn vào system properties (click vào chuột vào biểu tượng My Computer và chọn Properties , hoặc vào Control Panel > system) , Thẻ Advance , trong phần performance chọn settings > thẻ Visual Effects chọn Adjust for best performance để giảm thiểu các hiệu ứng của Window XP để tốc độ hệ thống được nhưng

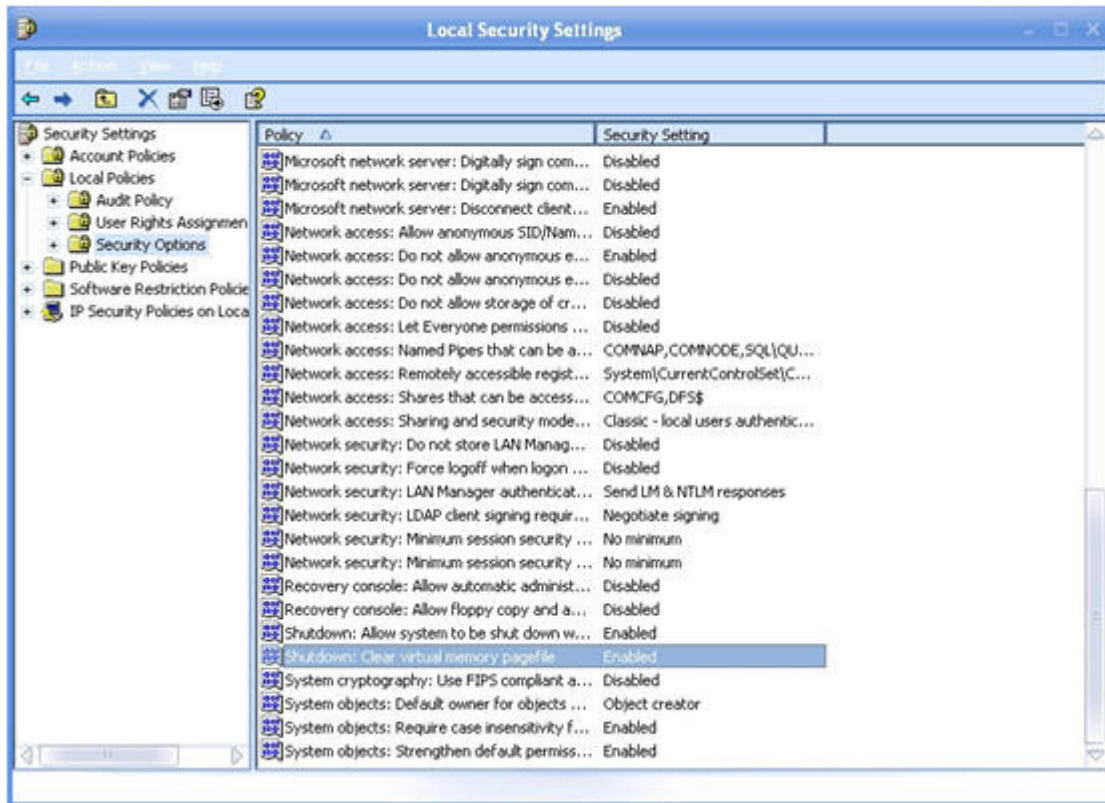
bù lại bây giờ giao diện XP chẳng khác gì Win 9x là bao .
Nếu không , bạn có thể chọn custom để tự điều chỉnh và bỏ bớt từng hiệu ứng .



6 . Dọn dẹp bộ nhớ ảo khi tắt máy

Bộ nhớ ảo (pagefile) là một phần của ổ đĩa cứng được Windows sử dụng như bộ nhớ để bổ sung cho lượng Ram ít ỏi của mình . Bạn có thể điều chỉnh , tăng thêm bộ nhớ ảo này (trên Echip các số trước đã vài lần giới thiệu) . trong bài viết xin trình bày với các bạn cách dọn dẹp bộ nhớ ảo này khi tắt máy ; Đừng lo , việc này Windows sẽ giúp bạn , nhưng bạn cần phải bật đèn xanh cho tính năng này thì window mới chịu làm giúp bạn

- Cách 1 : Vào Start > Control Panel > Administrative Tools > Local Security Policy > Local Policies , trong danh sách , chọn Shutdown : Clear virtual memory pagefile . Nhấn phải chuột > Properties > Enable > OK . \
- Cách 2 : dành cho dân vọc registry . tìm đến khóa
HKEY_LOCAL_MACHINE\SYSTEM\CurrentControlSet\Control\Session Manager\Memory Management\ClearPageFileAtShutdown , nhấp kép gõ giá trị (value) là 1



Phòng cháy hơn chữa cháy , trước khi vọc máy , các vọc sĩ nên chuẩn bị sẵn tinh thần , sao lưu cả hệ điều hành hay Registry trước khi thực hiện những thay đổi lớn với hệ thống . Đối với Win , bạn sử dụng các phần mềm như Ghost , Driver Image ... Đối với registry , bạn vào menu File > Export để tạo bản sao lưu cho Registry

Trên đây là một số thủ thuật giúp bạn cải thiện tốc độ của WinXP , bạn nên sử dụng thêm microsoft Bootvis để giảm thời gian khởi động máy cũng như nên hạn chế các phần mềm , ứng dụng chạy ngầm và tự khởi động trong máy . Hy vọng với các món đã bày trên , bạn có thể hài lòng với tốc độ của Win XP .

CÁC BƯỚC CHUẨN BỊ ĐỂ TĂNG TỐC CHO WINDOWS

I/ Chuẩn bị về phần mềm:

1. Hệ điều hành(OS):

* Đối với những máy yếu(P4 1,4 hay Celeron1,7 với Ram 128 trở về trước) thì Windows 98 là hệ điều hành thích hợp nhất để chơi game, nhưng còn với những máy trung bình(P4 Northwood 1,8-2,4GHZ với Ram 256-512) hoặc những máy mạnh, nhất là các máy mới nhất hiện nay thì Windows XP là sự lựa chọn số một cho games và multimedia nói chung nhờ tính năng quản lí bộ nhớ vượt trội, sự ổn định,... hơn hẳn so với Win 9x.

* Theo đánh giá của tôi thì WinXP service pack 2 có tốc độ tốt nhất(tuy nhiên vẫn còn gặp nhiều lỗi do xung đột với một số phần mềm), sau đó là WinXP Pro rồi XP SP1.

* Nếu có điều kiện thì tốt nhất là chúng ta nên sao lưu dữ liệu quan trọng lại(tài liệu, file download, nhạc số, phim...) rồi..format lại ổ đĩa của mình(nếu ổ đĩa của bạn đã khá cũ hay xuất hiện bad sector thì format cấp thấp luôn, không hại gì cả, chỉ như một lần ghi dữ liệu thôi), sau đó mới cài lại Windows. Nếu bạn là một tay sưu tập phần mềm, lại đang sử dụng toàn những phần mềm tâm đắc thì cũng đừng ngại gì cả, chịu khó lấy giấy ghi danh sách những phần mềm đó lại để sau này ngồi cài(như tôi thì việc cài lại phần mềm, driver mất khoảng 2 tiếng trong khi cài đê Win mất có 25 phút!)

2. Các phần mềm tăng tốc:

* Có rất nhiều phần mềm tăng tốc tự hào là có thể tăng tốc máy 200-300% nhưng nhiều trong số chúng lại chẳng ra gì(có thể nhà sản xuất chính cho một cái máy chạy thật chậm chạp, tẻ hại rồi dung phần mềm của mình "Optimize" lại để lấy điểm benchmark chẳng?).

* Chú ý là không nên cài quá nhiều phần mềm, chỉ cài những cái gì thật cần thiết, nếu không máy bạn sẽ không những không chạy nhanh lên mà còn chạy chậm đi, rồi lỗi tương thích....

a. Phần mềm tăng tốc cho Internet

-Theo tôi hay nhất là phần mềm IE Accelerator 2.21 từng được nói đến trên báo LBVMT.

-Trình Download hạng nhất là Dap-thực ra chức năng Zip Preview mà tác giả bài HiDownload-phần mềm download số một nói đến đã có từ lâu ở Dap và nó còn nhiều chức năng tuyệt vời khác, nhưng quan trọng nhất là tốc độ download của nó được mọi người công nhận là rất nhanh.

b. Phần mềm tăng tốc Windows:

-Theo tôi thì nên dùng 2 phần mềm: Hare 1.5.1 và PC BoOster 3.0, phần mềm Speeder XP tuy về lý thuyết thì hay nhưng thực tế không hay lắm, tăng tốc hiệu quả với ít chương trình nên tôi không dùng.

- Theo tôi thì trừ khi các bạn sử dụng máy tính xách tay còn không thì không nên dùng các chương trình "cooler" vì vừa tốn tài nguyên hệ thống vừa không đem lại tác dụng rõ rệt, còn chuyện giảm phần trăm CPU thì không rõ là có làm chậm hệ thống không bởi vì các phần mềm tăng tốc như Hare và SpeederXp đều cố gắng khai thác CPU tối đa.

c. Driver:

Chú ý đặc biệt: Không phải bao giờ mới cũng là tốt hơn, lí do là:

*Sự hỗ trợ của hãng với sản phẩm của mình, theo tôi thì hãng có sự hỗ trợ tốt nhất với sản phẩm là Intel: chipset810/815 đã có 6,7 năm rồi mà hãng vẫn cung cấp thông tin kỹ thuật cụ thể, driver của sản phẩm trên website trong khi Nvidia thì dòng Geforce 2MX400 mới có tầm hơn 3 năm thế mà năm ngoái tôi phải tìm mãi trên website của Nvidia mới thấy có vài dòng thông số kỹ thuật sơ sài.

*Driver mới hơn thường phải ôm đồm, VD: Detonator của Nvidia cứ lớn dần mỗi khi có thêm một phiên bản Gpu xuất hiện vì nó bao gồm Driver từ Geforce 256 đến Geforce 4. Hậu quả là sẽ tốn tài nguyên của máy: tốn đĩa cứng, tốn bộ nhớ.

*Mỗi sản phẩm chỉ có một Driver cho tốc độ cao nhất và Driver đó thường không phải là driver mới nhất, đặc biệt là với TH của Nvidia. Có thể giải thích như sau: khi bắt đầu tung ra thị trường một sản phẩm gì đó, VD là Geforce 4 Ti 4600 thì hãng phải ra sức viết và tối ưu driver của mình sao cho đạt điểm Benchmark cao nhất, đủ sức mê hoặc người dùng, còn khi có sản phẩm mới thì họ lại dồn sức vào nó.

*Driver cho đĩa cứng Intel Application Accelerator đi kèm Main. Lưu ý là chỉ những máy dùng chipset Intel mới dùng được. Chi tiết tôi sẽ trình bày trong phần sau: "Tiến hành".

d.Anti-virus, Fire wall:

Đây là những thứ không thể thiếu với một máy PC có kết nối Internet.

*FireWall: với người dùng bình thường ở kết nối 56K thì có thể dùng tường lửa có sẵn của Win XP cho tiết kiệm, còn nếu là kết nối ADSL thì nên dùng một phần mềm chuyên nghiệp như Zone Alarm.

*Anti-Virus: mặc dù nhiều người trong số chúng ta đã chán ngấy Norton Anti-virus già nua và thử dùng nhiều phần mềm cạnh tranh khác và thấy chúng rất tuyệt nhưng phải nói rằng NAV vẫn là phần mềm chống virus hàng đầu để chúng ta cài vào máy. Còn Bkav 2002 tuy không sánh được nhưng các bạn vẫn nên có, kể cả không cho nó autorun, thường trú cũng được bởi vì nó có ưu điểm là gọn nhẹ nên tải cập nhật virus mới rất nhanh.

II/Tiến hành:

1. Đĩa cứng:

*Trước hết, nếu bạn dùng đĩa cứng ATA 66/100/133 thì hãy kiểm tra và chắc chắn rằng cáp đĩa cứng mình đang dùng là loại 80 chứ không phải là 40 sợi rồi tiếp tục bước sau.

*Nếu bạn dùng Win XP Pro hay Sp1 thì chắc chắn là bạn nên cài Intel Application Accelerator thay cho sử dụng driver có sẵn của Microsoft vì nó sẽ cải thiện tốc độ rất ấn tượng : máy tôi trước khi cài nó, boot phải mất 5-6 vạch chạy dưới logo WinXP, cài xong chỉ có 3 vạch thôi.

*Khi tôi dùng Win XP Sp2 thì tôi không thấy có sự khác biệt nhiều về tốc độ, và WinXP SP2 là bản mới nên tôi cũng dùng driver của Microsoft để tránh xung đột.

2.CPU và RAM:

a.CPU:

-Để đảm bảo Cpu của bạn chạy với hiệu năng cao nhất, hãy vào CMOS setup để bật chế độ Turbo. Nó được gọi với nhiều cái tên khác nhau tùy thuộc vào phiên bản Bios và tùy hãng, VD như ở main GA-8IR533 thì gọi là "Top performance".

-Về việc OverClock:

-Đừng dùng phần mềm cấp cao trong Windows để Overclock vì nó làm cho hệ thống mất ổn định hơn nên mức OC bị giới hạn thấp. Hãy OC trực tiếp từ Bios hoặc với các máy cũ hãy OC bằng Jumper trên Main.

-Nên nhớ ép xung CPU lên 1/5 thì cũng chưa chắc tốc độ hệ thống đã tăng lên 1/10, tương tự như vậy nếu Cpu của bạn là 1,8 hoặc 2,0 mà bạn chỉ ép xung lên 200-300 Mhz thì khó mà cảm nhận được tốc độ.

-Các loại Main khác nhau cho khả năng OC khác nhau. VD: main Intel hoàn toàn không thích hợp cho việc này, main Gigabyte 8IR533 OC không được cao lắm....

-Khi OC hãy chú ý đến Ram: Trước đây, muốn OC CPU người ta có hai cách: tăng hệ số nhân của chip và tăng tốc độ bus hệ thống, nhưng các chip Intel sau này đã khóa hệ số nhân nên bạn chỉ có thể thay đổi bus hệ thống <đừng nhầm với FSB>. Nhưng khi thay đổi bus hệ thống thì không chỉ Cpu mà các thành phần khác đều bị ảnh hưởng, như bus PCI/AGP và cả Ram nữa. Nhưng với bus AGP/PCI thì phần OC trong CMOS có chức năng fix nên không bị chạy sai tốc độ <đây cũng là một chức năng mà OC trong Windows không có >. Còn Ram, nếu Ram bạn là loại chạy được với tốc độ mới thì không sao <ví dụ: Ram là loại 333, trước đây đang chạy với tốc độ 266 mà OC lên 309 < 333 thì không vấn đề gì>, nhưng nếu ép ram chạy quá tốc độ tối đa của nó thì coi chừng ram của bạn sẽ hỏng trước Cpu đấy <hỏng Ram không có nghĩa là phải có khói bốc hoặc hoàn toàn không chạy được như CPU mà có thể chỉ là hỏng một ô nhớ nào đó>. Vì vậy cứ mỗi bước OC xong mà khi chạy một chương trình nào đó mà xuất hiện lỗi ILLEGAIL OPERATION <lỗi ở thanh ghi có địa chỉXXXXX> thì hãy cẩn thận.

b.Ram:

-Có những chương trình được quảng cáo là tăng tốc cho Ram bằng cách dồn Ram hoặc Recover Ram. Theo tôi thì những chương trình như thế thì bạn không nên cài vào máy bởi vì tốn tài nguyên mà hiệu quả đem lại không cao thậm chí còn làm chậm máy khi chơi trò chơi, chạy ứng dụng lớn. Ram là loại bộ nhớ cực nhanh nên cho dù có không defragment như đĩa cứng cũng chẳng ảnh hưởng đến tốc độ. Còn nếu bạn thấy cần dùng những chương trình như vậy hãy tắt chức năng auto-recover Ram nếu không muốn đang nạp game thì bị thoát ra ngoài, xuất hiện cửa sổ dồn Ram rồi khi vào game thì mất tiếng, giật...Cuối cùng, trong những chương trình loại ấy tôi chỉ thích Hare với chức năng wash ram là thực sự hay vì sau khi dọn dẹp, nó lại load lại các service, driver hệ thống.

3.Card đồ họa:

-Một kinh nghiệm đầu tiên là khi mua card đồ họa bạn đừng mua hàng độc hoặc ít phổ biến, hay nhất là Nvidia Geforce x nếu không muốn tiếc rẻ thêm thường trước những chương trình hay nhất mà chỉ hỗ trợ hoàn toàn cho Nvidia Geforce.

-Về OC:

*Khi OC card đồ họa, nhớ rằng Ram không phải là thứ có thể ép xung nhiều như Gpu.

*Không phải card nào cũng cho khả năng và giới hạn OC như nhau. VD: Tăng tốc độ xung nhịp lên 15/100 thì ở nhiều loại card-như geforce 2 MX 400, cái bạn nhận được không phải là chỉ số fps tăng mà là treo máy, mất ổn định...

*Đừng đánh giá tốc độ làm đầy của một card đồ họa qua MHz: Cái quan trọng là trong một xung nhịp nó có thể xử lý được bao nhiêu điểm ảnh, VD: từ thế hệ card Geforce 256 đến geforce 4 TI 4600 thì có thể xử lý được bốn điểm ảnh/Hz nhưng với những card đời trước hay ngay cả với một số loại chip đồ họa tích hợp cùng thời thì không đạt đến con số này hay gần đây từ Radeon 9700, Geforce FX 5800 <thế hệ geforce FX đầu tiên> con số này đã đạt đến 8 điểm ảnh/xung nhịp.

*Cần nói thêm, bản thân tốc độ lấp đầy cũng chưa nói lên tốc độ của chip mà còn phải nói đến băng thông bộ nhớ. Và cả hai thứ ấy có lẽ còn chưa đủ để nói lên điều gì: Vd: hãy so sánh 3 card: Geforce 2 MX 400, Geforce 2 Ultra và Geforce 3. Geforce 2 MX 400 và Geforce 3 có tốc độ làm đầy đều là 800 Mtexels/s còn Geforce 2 Ultra là 1 tỷ <250Mhz>. Geforce 3 và Geforce 2 Ultra có băng thông là 7,23 GB/s còn Geforce 2 MX 400 là 2,7. Trong nhiều thử nghiệm Geforce 2 Ultra cho kết quả nhanh gấp đôi geforce 2 MX 400 nhưng lại thua xa geforce 3.

*Trừ nForce 1/2/3 <chipset của Nvidia cho Main board AMD được tích hợp bộ xử lý đồ họa Geforce, VD nforce 1 tích hợp geforce 2 MX, nForce 2 tích hợp Geforce 4 MX> ra thì các chipset có tích hợp đồ họa khác, kể cả Intel GMA 900 mới nhất cũng có điểm chưa sánh bằng Gpu cũ Geforce 256 là hỗ trợ khử răng cưa và quan trọng đặc biệt là Hardware Transform and Lighting- vốn được rất nhiều game 1-2 năm gần đây yêu cầu.

*Tinh chỉnh đồ họa không chỉ là chỉnh độ phân giải, độ chi tiết mà còn nhiều phần khác được ẩn trong driver như Z-buffer, fast linear-mipmap, texture compression...chỉnh chúng khác đi so với mặc định có thể giúp nâng cao chất lượng hình ảnh một cách đáng kể hoặc nâng cao hiệu năng nhiều. VD trong một game 3D vẫn ở độ phân giải đó, thiết lập đồ họa trong game như thế nếu bật tất cả các chức năng nâng cao chất lượng hình ảnh, kể cả chống răng cưa 4x thì tốc độ khung hình có khi chỉ là 25fps nhưng nếu bật các chức năng tăng tốc, tắt các chức năng hình ảnh thì tốc độ có thể lên tới 100 fps.

*Nên dùng một công cụ Tweak <tinh chỉnh, OC card> như NV turbo, Geforce Tweaker Utility, Nvmax, NV HardPage, hoặc hay nhất là Riva Tunner <tất cả đều ở www.guru3d.com>. Chú ý đừng sử dụng những chức năng giả lập card vì sẽ không có lợi về tốc độ.

*Với 1 số trò chơi thì chơi trên Win 98 có thể nhanh hơn nhưng khi chơi trên Win XP thì số khung hình sẽ ổn định hơn.

*Một số cài đặt đem lại tốc độ :Z-buffer, W-buffer, Floating point W-buffer 100/100, multi-texturing, linear mipmap filtering, HW accelerated cursor, 256 burst....

*Một số cài đặt đem lại chất lượng với tốc độ chấp nhận được: Lọc vô hướng 2x, Texture sharpening, STC3 quality bug fix....

4. Khởi động, sử dụng công cụ tăng tốc:

-Nếu có 2 trình Anti-virus thì chỉ để cho một trình chạy thường chú.

-Cài đặt ít chương trình tăng tốc, chỉ dùng những cái hiệu quả nhất.

-Mở msconfig tắt bớt 1 số dịch vụ không cần thiết, bỏ một số chương trình chạy thường chú như Quicktime, Realone Tkbell....

-Cài đặt xong hết các chương trình mới chạy bootvis để rút ngắn thời gian khởi động.

-Nên chạy PC Booster 3.0, vào Auto tune page, nhấn Auto tune, làm theo hướng dẫn của nó...

5. Bộ nhớ ảo:

Trước đây người ta đã đưa ra công thức bộ nhớ ảo bằng dung lượng Ram*2,5. Nhưng bây giờ, dung lượng Ram nhiều rồi toàn từ 256-1G nên có lẽ không cần thiết lắm. Các bạn nên tùy vào bộ nhớ của mình mà đặt file ảo cho khỏi tốn đĩa cứng, bộ nhớ càng lớn thì file tạm càng không cần to.

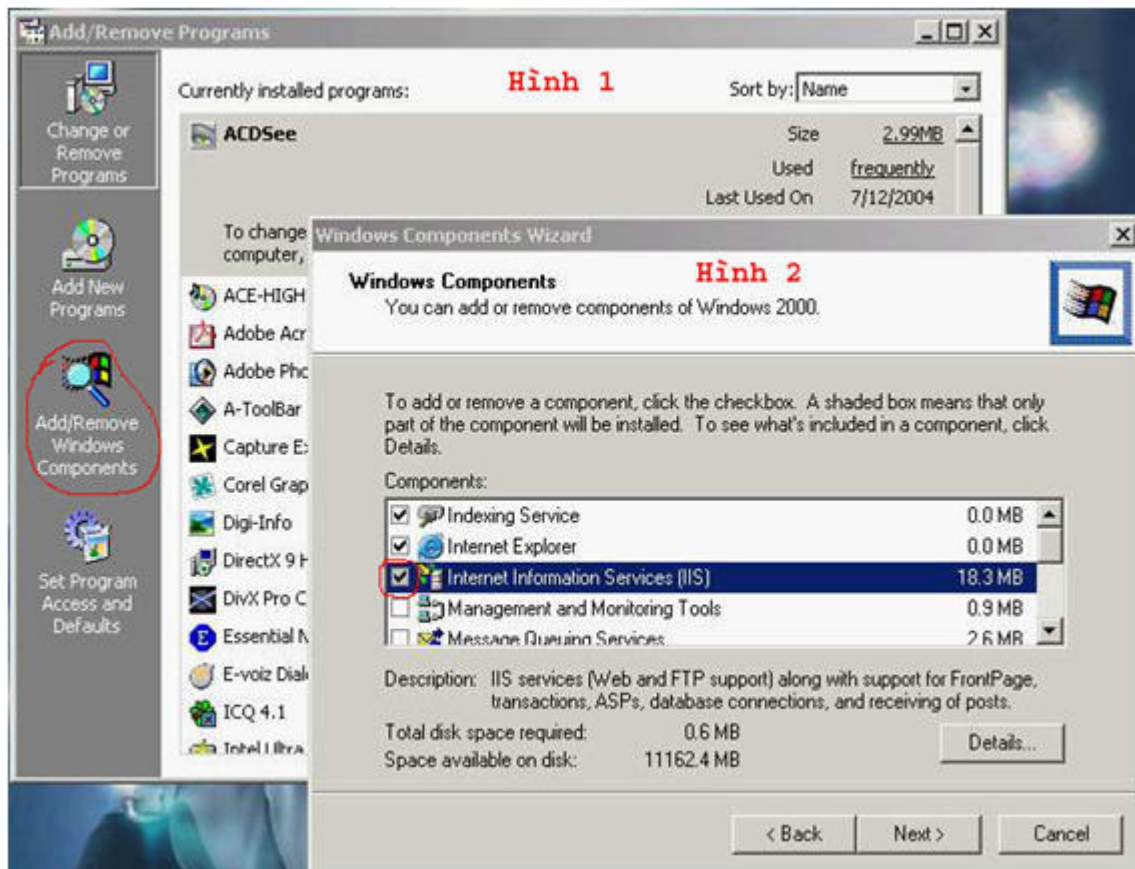
CÁCH CÀI ĐẶT FTP TRONG WIN 2K

Có nhiều cách chuyển File hay chia sẻ file (ta có thể chuyển file và chia sẻ file bằng software, hay chat Yahoo, gửi email nhưng có giới hạn về dung lượng file, và tính bảo mật không cao) nhưng hôm nay tôi sẽ hướng dẫn các bạn cách chia sẻ file bằng công cụ mà trong Windows 2k có sẵn.

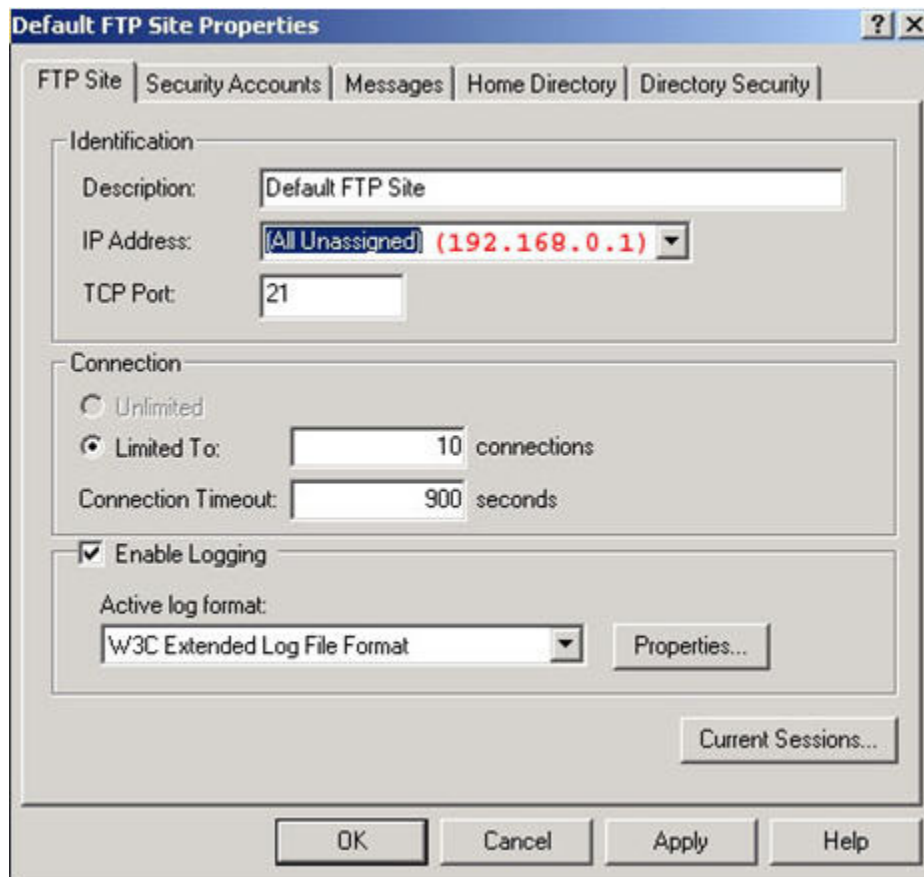
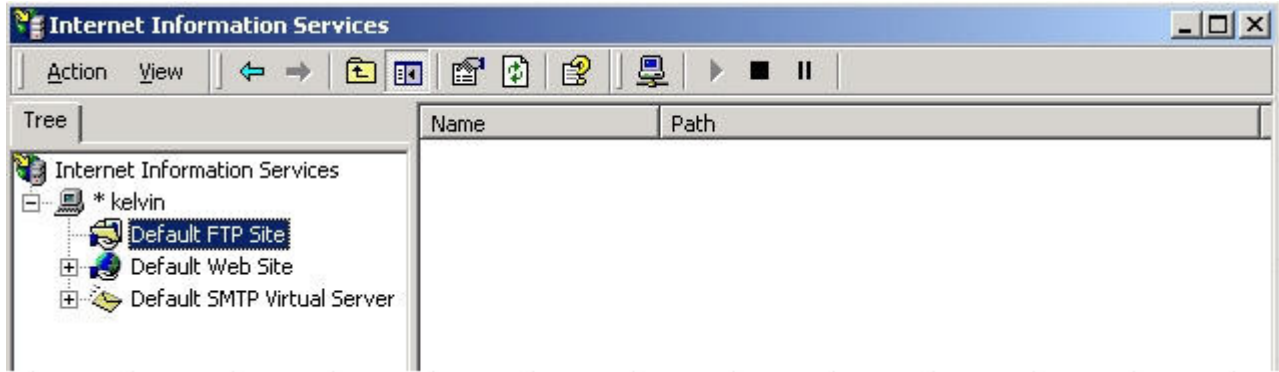
Chức năng của FTP: Ta có thể truy cập từ xa để chia sẻ dữ liệu qua internet bằng địa chỉ IP hay Domain. (Kích thước file không giới hạn , tùy thuộc vào đường truyền internet của mình nhanh hay chậm, và tính bảo mật của windows)

Các bước cài đặt:

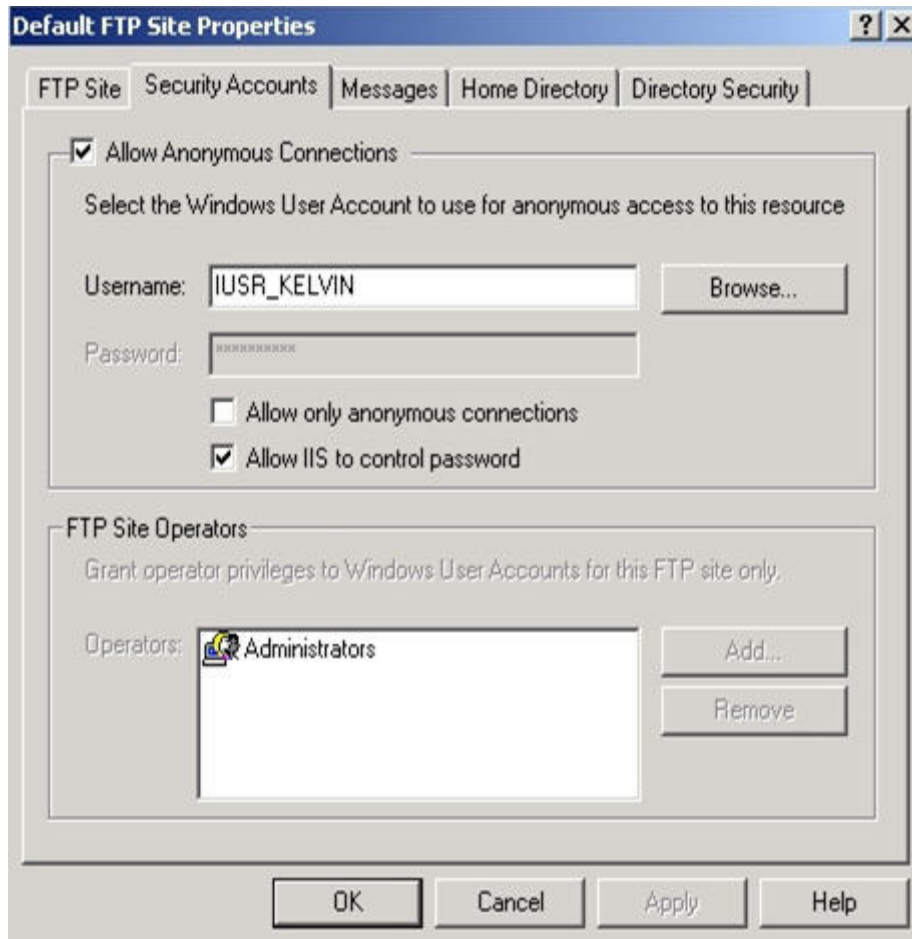
- **Đầu tiên ta cần phải thiết lập IIS** (Internet Information Services) hay (Internet Services Manager)
 - Nhấn Start\Settings\Control Panel\add Remove Programs --> **hiện hộp thoại Hình 1 => chọn menu add Remove windows Components => Hình2 chọn IIS => Next** (trong quá trình cài đặt nó sẽ đòi ta cho đĩa win 2000 vào) sau khi cài đặt xong ta làm bước kế tiếp



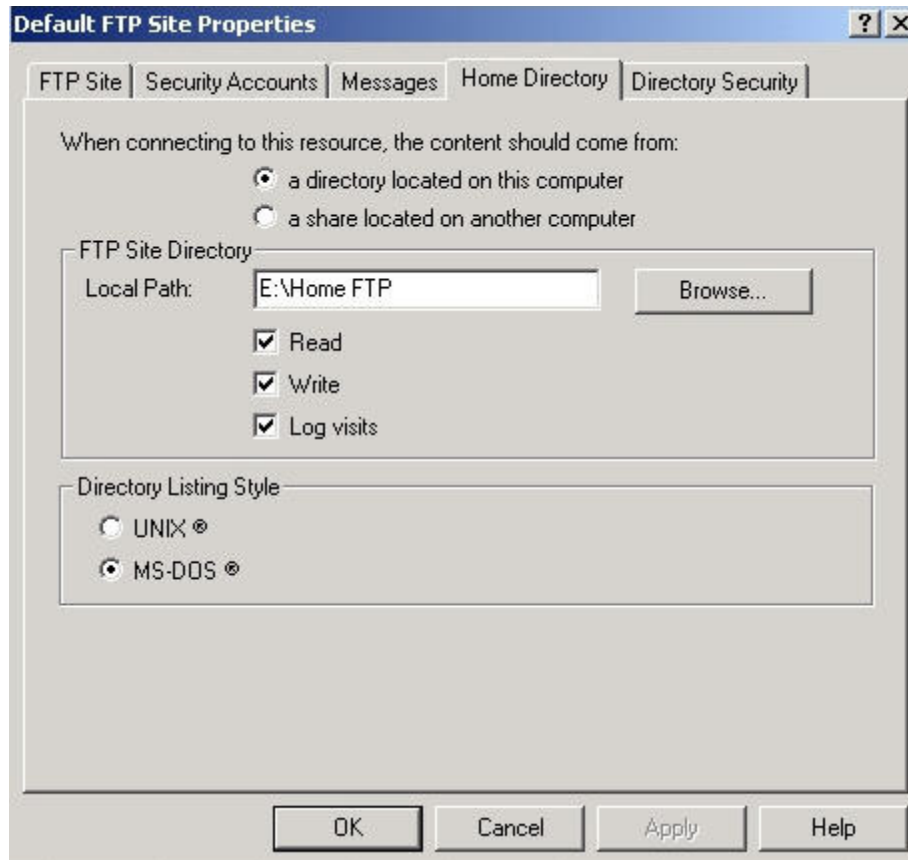
- **Thiết lập cấu hình FTP**
 - Start\Settings\Control Panel\Administrative Tools\ Internet Services Manager . Chọn Default FTP Site -> **Action\Properties**



- **Thẻ FTP Site:**
 - IP Address: All Unassigned (nếu ta có card mạng thì chọn IP của các mạng)
 - ở đây tôi chọn ip cho mình là 192.168.0.1
 - Còn tất cả ta để mặc định.



- **Thẻ Security Accounts**
 - Allow Anonymous Connections nếu ta chọn thì mặc định cho mọi người vào đều được.
 - FTP site Operators : ta có thể Add thêm tên và mật mã để cho người nào mình cho phép vào (ta phải tạo user và pass)



• **Thẻ Home Directory :**

- FTP Site Directory: ta chỉ vào thư mục mà mình lưu trữ file cần chia sẻ (tôi ở đây chia sẻ E:\Home FTP)
- Xong bạn OK

Như thế là ta đã khai báo xong FTP. Bây giờ ta thử lại FTP coi có chạy tốt không bằng cách mở Internet Explorer Browser

- ở phần địa chỉ ta gõ <ftp://192.168.0.1/> nếu ta thấy nó mở ra đúng mục Home FTP thì mình đã thành công

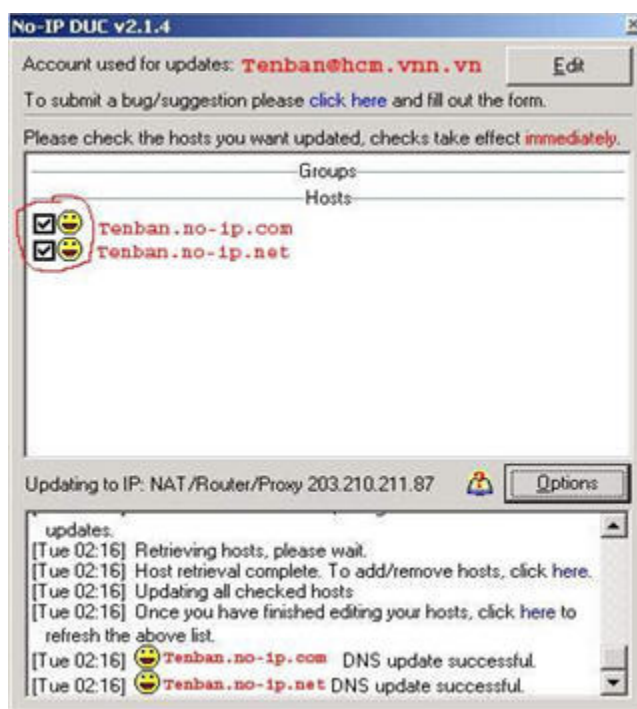
PHẦN KẾ TIẾP TA CÀI ĐẶT SOFTWARE ĐỂ ĐĂNG KÝ IP.

Vì sao ta phải cài đặt software : " Vì mỗi khi ta vào mạng thì VNN hay FTP cung cấp cho ta 1 địa chỉ IP mới (IP động) cho nên ta không thể nào biết được ip của mình là bao nhiêu khi connect vào mạng cho lần sau nên ta phải dùng software và 1 trang web (Free) dùng để trung chuyển cho người truy cập vào máy FTP của mình "

- Bước đầu tiên ta phải đăng ký 1 Username trên trang web <http://www.no-ip.com/> sau đó ta vào phần đăng ký 1 Domain dưới dạng *Tên bạn@no-ip.com* , hay *info.....* sau khi đăng ký xong ta load software **No-ipduc.Exe** (<http://www.no-ip.com/downloads.php?page=win>)
- Sau khi bạn Setup vào máy ở lần mở đầu tiên bạn phải đánh vào tên bạn đã đăng ký và pass (tên dạng email của bạn)



- Sau khi đăng nhập thành công bạn được menu sau (bạn chọn vào vòng tròn đỏ) khi thấy hình mặt cười là bạn đã đăng ký thành công.



- bây giờ mình muốn chia sẻ file với 1 người khác ở một nơi nào đó (mặc định là ta đang có trong internet) ta chỉ cần cung cấp Domain name <ftp://tenban.no-ip.com/> và user & pass.

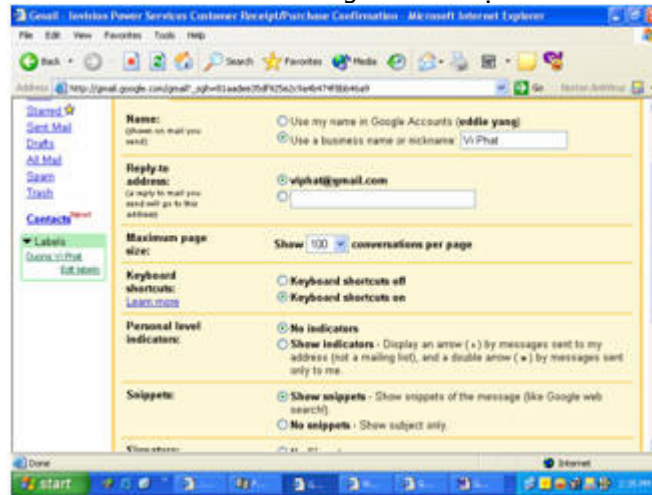
Chúc bạn thành công.

CÁC TÍNH NĂNG KHÁ HAY CỦA GMAIL

Gmail là một hộp thư khá tuyệt có dung lượng lớn 1GB . Do chỉ mới thử nghiệm nên chưa hoàn thiện lắm . Tuy nhiên với các tính năng độc đáo sau sẽ khiến tôi cảm thấy rất đáng khi phải bỏ thời gian chờ đợi và xin xỏ người khác tấm vé mời (Invite) sử dụng để có được một hộp thư Gmail .

Nhanh hơn chuột

- Đó là tính năng Keyboard Shortcut , bạn sẽ tiết kiệm được khá nhiều thời gian thay vì phải di chuyển và click chuột thì khi bạn đã bật tính năng này , bạn chỉ cần nhấn phím hoặc một tổ hợp phím . (có phải là nhanh hơn chuột không .)
Để bật chức năng này , bạn đăng nhập vào hộp thư và nhấp chuột vào liên kết settings và chọn ô kiểm "Keyboard shortcuts On" và nhấn vào nút Save Changes để lưu lại cấu hình .



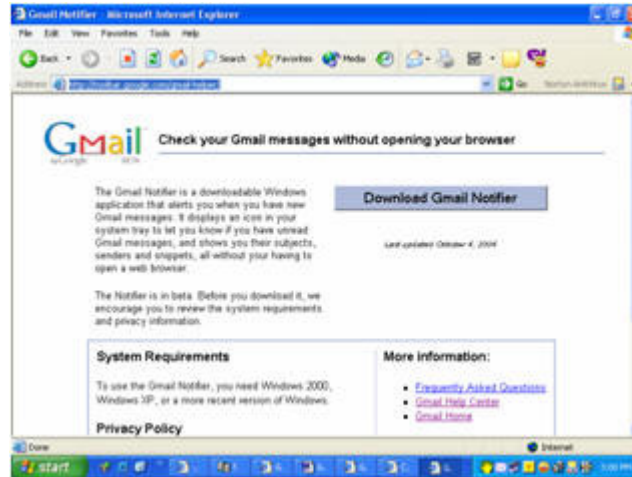
- Danh sách phím tắt :

| | |
|-------------|---|
| Shift + C | Bật hộp thoại soạn thư trong cửa sổ mới |
| X | chọn thư (Select) |
| K | Di chuyển đến thư mới hơn |
| J | Di chuyển đến thư cũ hơn |
| N | Di chuyển đến Tin (Message) mới hơn (khi bạn Reply lại bức thư nào đó thì GMAIL xem đó là một Tin và xếp chúng vào trong cùng một lá thư . xem minh hoạ ở hình 1) |
| P | Di chuyển đến tin cũ hơn |
| O hay Enter | Mở bức thư |
| U | Trở về hộp Inbox |
| R | Trả lời thư (reply) |
| F | Chuyển tiếp thư (Forward) |
| / | Đặt trỏ chuột tại nút tìm kiếm |

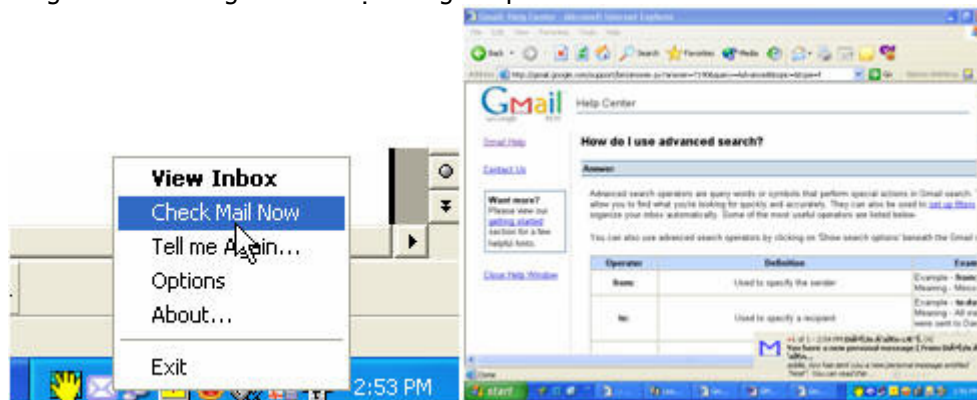
- Đó là một vài phím tắt quan trọng và thường xuyên sử dụng . Bạn có thể tham khảo thêm danh sách phím tắt tại <http://gmail.google.com/support/bin/answer.py?answer=6594&query=Keyboard&topic=&type=f>

Không vào nhưng vẫn biết có thư

- Là một trong những tiện ích vừa được GMAIL cập nhật . GMAIL Notifier sẽ giúp bạn kiểm tra thư và thông báo cho bạn biết khi có thư mới . Chương trình này vẫn đang thử nghiệm , chỉ tương thích với Win 2000 / XP . Download tại <http://toolbar.google.com/gmail-helper/> .

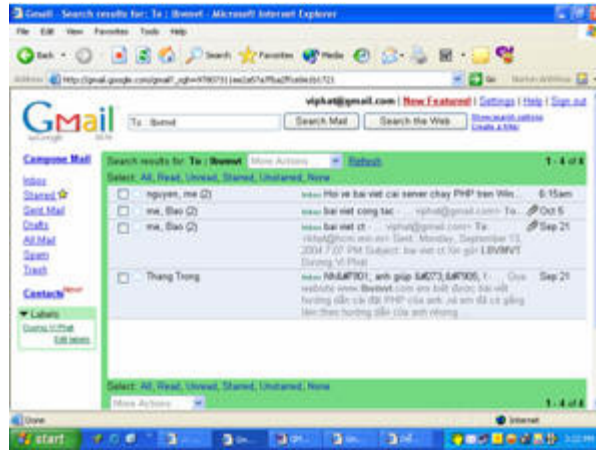


- Sau khi cài đặt GMAIL Notifier chạy thường trú trên khay hệ thống , Nhấp phải chuột vào biểu tượng của Gmail Notifier (có hình bức thư) chọn Check Mail Now để kiểm tra thư , View Inbox để mở hộp thư và Tell Me Again để nhắc lại lần nữa nếu bạn không được nhanh mắt vì hộp thoại thông báo có thư của GMAIL Notifier xuất hiện và tắt đi quá nhanh .
Lưu ý : trong lần đầu tiên sử dụng , Gmail Notifier bắt bạn đăng nhập bằng tài khoản hộp thư Gmail , Phần User không có đuôi @gmail.com . Nếu đăng nhập thành công rồi thì trong những lần sau chương trình sẽ không còn bắt bạn đăng nhập nữa .



Tìm kiếm thư cực nhanh

- Với 1GB , bạn không còn lo sợ hộp thư bị đầy nữa nên không cần phải xoá thư thường xuyên như trước nữa . Tuy nhiên nếu ngày càng nhiều thư thì thật khó quản lý và sắp xếp nhưng may thay Gmail có tích hợp chức năng tìm kiếm , vốn là một thể mạnh của Google .
- Nhập từ khoá cần tìm và nhấp chuột vào nút Search Mail . kết quả sẽ được trả về ngay lập tức (sử dụng đường truyền ADSL) .



- Sau đây là danh sách một số các từ khoá thông dụng để việc tìm kiếm đạt kết quả chính xác hơn Xem thêm danh sách từ khoá tại :

<http://gmail.google.com/support/bin/answer.py?answer=7190&query=Advanced&topic=&type=f>

| Từ khoá | Công dụng |
|----------------|--|
| From : | Tìm theo tên người gửi |
| To : | Tìm theo tên người nhận |
| Subject | Theo tiêu đề |
| OR | Để tìm cùng lúc nhiều biến VD : From : lbvmvt OR To : lbvmvt |
| - | VD : lbvmvt - lbvmvt : GMAIL sẽ tìm các thư có chứa từ "lbvmvt" nhưng không có chứa từ "lbvmvt " |
| Has:attachment | Tìm các thư có đính kèm |
| Filename: | Tìm theo tên tập tin đính kèm |
| In inbox | Tìm thư trong thư mục Inbox |
| In Trash | Tìm thư trong thư mục trash (thùng rác) |

CÁC LỖI THƯỜNG GẶP ĐỐI VỚI MODEM

1. Modem và line điện thoại:

Modem bị chiếm dụng bởi chương trình khác : báo lỗi " Error 602: The modem is being used by another Dial-Up Networking connection close the other connection,anh try again "

-Nguyên nhân: *Modem* bị chiếm dụng bởi chương trình như Winfax, chương trình Media Pilot (đối với máy Compaq). . .

-Cách khắc phục : Thoát khỏi các chương trình đang chiếm dụng Modem .

Máy Detect được Modem nhưng khi quay số báo ?No dial tone? có thể do các trường hợp sau:

- Nguyên nhân : Đường dây điện thoại không tiếp xúc tốt ,lỗi Modem hư .
- Cách khắc phục: Kiểm tra lại đường dây điện thoại và Modem.

Máy không Detect (không nhận dạng được Modem).

- Nguyên nhân:
 - + Cable nối từ Modem đến máy tính tiếp xúc không tốt.
 - + Cable nối cổng COM tiếp xúc không tốt hoặc cổng COM máy tính hư.
 - + Khắc phục: Kiểm tra cable Modem và Cable nối cổng COM (gắn chặt vào).

Không kết nối vào mạng được . Báo lỗi: ?There is no answer. An error occurred while establishing the Dial Up network connection ?VNN? hoặc ?Unable to establishing Dial Up Network connection. Please go to ?Dial Up networking and make sure your connections are configed property.?

- Nguyên nhân: Đường dây điện thoại không tốt hoặc do chương trình cài đặt Modem lỗi.
- Cách khắc phục:
 - + Kiểm tra đường dây điện thoại.
 - + Xóa và cài lại Modem.

2. Lỗi do chương trình:

Không tạo biểu tượng kết nối được: báo lỗi ?error rundll32??.

- Nguyên nhân: Do trong quá trình cài Folder Dial-up Networking trên windows sai phiên bản.
- Cách khắc phục: Cài lại Folder Dial-up Networking đúng phiên bản Windows mà bạn đang chạy.

Quay số kết nối vào được nhưng khi đến trạng thái ?verify username and password ? báo ? incompatible protocol??.

- Nguyên nhân: Do thiếu giao thức TCP/IP .
- Cách khắc phục: Cài thêm TCP/IP vào.

Kết nối vào mạng được nhưng không nhận được mail.

- Nguyên nhân:
 - + Mật khẩu mail sai.
 - + Sai thông số Incoming Mail server (POP3)
- Khắc phục:
 - + Gõ lại mật khẩu thư.
 - +Tắt chế độ gõ chữ Việt.
 - + Khai báo lại thông số Incoming Mail server (POP3): mail.hcm.vnn.vn

Kết nối vào mạng được nhưng không gửi được mail.

-Nguyên nhân: Sai thông số Outgoing Mail Server(SMTP)

-Khắc phục: Khai báo lại thông số Outgoing Mail Server(SMTP): smtp.hcm.vnn.vn

Không kết nối vào mạng . Báo lỗi: ?Error 691 : The computer you're dialing into cannot establish a Dial up networking connection Check you password and then try again?

-Nguyên nhân: Sai mật khẩu truy nhập

-Khắc phục: Giải quyết giống như sai mật khẩu thư, Nếu như bạn bạn không thể nào kết nối được mạng thì bạn yêu cầu ISP cấp lại mật khẩu mới.

Kết nối vào khoảng 10 đến 15 phút thì ngắt khỏi mạng

-Nguyên nhân: Đường dây điện thoại của bạn bị nhiễu hoặc Modem của bạn để tốc độ kết nối quá thấp.

-Khắc phục:

+Thử kết nối bằng đường dây điện thoại khác.

+Tăng tốc độ Modem có thể kết nối lớn nhất (trong phần chỉnh sửa các thông số của biểu tượng kết nối)

+ Chú ý: Nếu bạn tăng tốc độ quá cao có thể Modem không quay số kết nối vào mạng được lúc đó bạn có thể giảm tốc độ thấp xuống bớt.

Lỗi 664: The system has run out of memory

-Nguyên nhân: Máy tính của bạn không đủ bộ nhớ để quay số kết nối.

-Khắc phục: tắt một số chương trình đang mở và quay số lại.

Lỗi 666:The modem is not functioning

-Nguyên nhân: Modem hoặc một số thiết bị khác không đáp ứng, có thể do một số nguyên nhân sau:

+Nếu nguồn cung cấp Modem(External).

+Cáp nối giữa Modem và cổng Com máy tính.

+Lỗi do phần cứng của Modem.

-Khắc phục:

+Kiểm tra cáp nối giữa Modem và cổng Com máy tính.

+Tắt nguồn Modem khoảng 15-20 giây rồi bật lại.

Lỗi 668: The connection was terminated

-Nguyên nhân: tương tự lỗi 652.

-Khắc phục: tương tự như lỗi 652.

Lỗi 676: The phone line is busy.

-Nguyên nhân: Dây điện thoại bị bận.

-Khắc phục: Cần kiểm tra đường dây điện thoại, và thử kết nối lại (Redial). Bạn có thể cài đặt cho máy tự động gọi lại bằng cách vào phần Options của phần Properties của Connections.

Lỗi 678: There was no answer

-Nguyên nhân: Không có trả lời từ line điện thoại. Modem của bạn không lấy được tín hiệu Tone của đường dây điện thoại.

-Khắc phục: Kiểm tra xem line điện thoại đã được cắm vào modem chưa, kiểm tra lại số điện thoại cần gọi (1260) và gọi lại. Cần chắc chắn là line điện thoại được cắm vào đúng lỗ cắm trên modem (lỗ Line).

Lỗi 679: The system could not detect the carrier

-Nguyên nhân: Modem của bạn hay modem ở xa không trả lời. Đa số modem trả về lỗi này trong trường hợp modem trả lời không trả lời.

-Khắc phục: Bạn kiểm tra lại số điện thoại và gọi lại.

Lỗi 680: There was no dial tone

-Nguyên nhân: Không có tone của line điện thoại. Lỗi này thường xảy ra cho các modem sử dụng line điện thoại của tổng đài nội bộ; khi đó để gọi ra ngoài, bạn cần có số 9 trước để lấy tone của line điện thoại ngoài.

-Khắc phục: bạn cần kiểm tra xem đã nối line điện thoại và modem đã đúng chưa. Nếu bạn trong hệ thống tổng đài nội bộ, cần có thêm dấu phẩy (,) sau số 9 để có thời gian trễ cho việc lấy tone line điện thoại ngoài.

Lỗi 691: Access was denied because the use name and/or password was invalid on the domain

-Nguyên nhân: Account của bạn có thể chưa được khai báo bởi hệ thống, hoặc do password của bạn bị hết hạn sử dụng, hoặc do bạn gõ bị sai Password.

-Khắc phục: Cần hết sức chú ý khi gõ Password. Chú ý chế độ tiếng việt của hệ thống Windows của Bạn có thể làm cho Password của bạn bị sai.

Lỗi 692: There was a hardware failure in the modem

-Nguyên nhân: modem của bạn hoặc modem ở xa không trả lời do các lỗi sau:

+Modem của bạn đang tắt, bị trục trặc, hoặc chưa được nối vào máy tính

+Cổng serial (COM) của bạn bị lỗi.

+ Một chương trình khác hiện đang chiếm giữ Modem (ví dụ như chương trình HyperTerminal hay WinFax)

- Khắc phục:

+ Reset lại modem, kiểm tra lại các dây nối cổng COM

+ Nếu có chương trình khác đang chiếm giữ modem của bạn, hãy tắt (Close) các chương trình này.

Lỗi 695: The state machine are not started

- Nguyên nhân: Một lỗi bên trong của Windows đã xảy ra.

- Khắc phục: bạn hãy tắt và khởi động lại máy tính để chắc chắn là các driver và các cấu hình đều đã được khởi động và có hiệu ứng.

Lỗi 696: The state machine are already started.

Tương tự lỗi 695

Lỗi 697: The response looping did not complete

Tương tự lỗi 695

Lỗi 699: The modem response caused a buffer overflow

Tương tự lỗi 695

Lỗi 701: The modem moved to a connection speed not supported by the COM driver.

- Nguyên nhân: modem của bạn đang cố gắng kết nối ở tốc độ mà cổng COM không thể đáp ứng được.

- Khắc phục: Bạn hãy thay đổi tốc độ khởi động modem về tốc độ thấp hơn.

Lỗi 710: Serial overrun errors were detected while communicating with the modem

- Nguyên nhân: lỗi xảy ra khi cổng Serial cố gắng kết nối với modem

- Khắc phục: giảm tốc độ khởi động xuống thấp hơn.

Lỗi 715: Too many errors occurred because of poor phone line quality

- Nguyên nhân: Quá nhiều lỗi xảy ra do chất lượng line điện thoại quá kém.

- Khắc phục: kiểm tra lại chất lượng line điện thoại và thử gọi lại. Nếu vẫn xảy ra lỗi, giảm tốc độ của Modem xuống thấp hơn.

Lỗi 728: The system cannot find an IP adapter

- Nguyên nhân: lỗi xảy ra với cấu hình TCP/IP của máy

- Khắc phục: kiểm tra lại TCP/IP, khởi động lại máy để chắc chắn là các cấu hình đã được khởi động và có hiệu ứng. Nếu lỗi vẫn xảy ra, xóa TCP/IP và cài đặt lại.

Lỗi 756: The connection is already being dialed.

-Nguyên nhân: line điện thoại đang bận, đang kết nối

-Khắc phục: chờ và quay lại sau đó.

3. Một số lỗi thông báo trên màn hình khi kết nối và khi sử dụng:

Lỗi 630 : The Modem was disconnected due to hardware failure.

-Nguyên nhân: có thể do một số nguyên nhân sau:

+Cáp nối giữa modem và cổng COM tiếp xúc không tốt hoặc các thiết bị liên lạc thông tin khác.

+Cổng COM hỏng.

+Modem.

-Khắc phục:

+Kiểm tra lại cáp nối giữa modem và cổng COM của máy tính.

+Kiểm tra cổng COM và Modem

Lỗi 633: The Modem is already in use or not configured for dialing out.

-Nguyên nhân: Modem bị chiếm dụng bởi chương trình khác ví dụ: Win Fax Pilot hoặc chưa thiết lập cấu hình quay số.

-Khắc phục: Tắt các chương trình đang chiếm dụng Modem.

Lỗi 636:The device attached to the port is not the one expected.

-Nguyên nhân: Sự không nhất quán giữa cấu hình phần cứng và cài đặt các thông số kết nối trên máy bạn. Ví dụ: khi bạn cáp Modem lắp vào cổng COM2, trong khi đó khi cài đặt các thông số Modem bạn lại chọn cổng COM1, COM3 hoặc COM4.

-Khắc phục: cài đặt lại đúng cấu hình đã lắp đặt

Lỗi 651:The modem has reported an error.

-Nguyên nhân: Modem(External) của bạn chưa cấp nguồn.

-Khắc phục: tắt / bật nguồn Modem và kết nối lại.

Lỗi 652 :There was an unrecognized response from the modem.

-Nguyên nhân: có thể do 1 trong 2 nguyên nhân sau:

+Nếu Modem của bạn đang dùng loại External có thể chưa cấp nguồn.

+Tốc độ khởi tạo của modem quá lớn (Maximum modem port speed).

-Khắc phục:

+Tắt / bật nguồn Modem.

+Giảm bớt tốc độ modem (Control panel/Modem/Properties) ví dụ: 115200 Æ 57600.

4. Lỗi do chương trình Mail:

Lỗi : Chương trình Outlook Express báo lỗi tập tin Msimnui.dll ?This program has performed an illegal operation and will be shut down. If the problem persists, contact the program vendor? và khi bạn nhấp chuột vào chữ Details thì bạn nhận được thông tin sau: ?MSIMN caused an invalid page fault in module MSIMNUI.DLL at <address>.?

-Nguyên nhân: là do bạn cài đặt phần mềm Outlook Express với một phiên bản cũ hơn phiên bản hiện có trước đó trên máy của bạn.

-Cách khắc phục:

*Cách thứ nhất.

+Cơ bản nhất để khắc phục sự cố này là bạn xóa bỏ chương trình Outlook Express trong máy của bạn và cài đặt một chương trình Outlook Express mới với Version cao hơn

*Cách thứ hai.

Bạn tìm và xóa bỏ các tập tin sau *.idx, *.mbx, *.nch. Để thực hiện được điều đó bạn làm như sau :

+Bạn kích chuột vào chữ Start ->Find ->Files or Folders. Trong ô Named bạn gõ *.idx và trong ô Look in bạn chọn ổ đĩa C. Sau đó bạn click chuột vào chữ Find . Máy tìm ra cho bạn một số tập tin có đuôi là .idx bạn xóa tất cả đi. Bạn tiếp tục lập lại các bước trên đối với các tập tin có đuôi dạng *.mbx và *.nch.

Lưu ý: Trong tất cả các cách hướng dẫn dưới đây đều có thể làm mất đi những bức thư cũ của hộp thư trong máy tính của bạn. Vì vậy bạn nếu bạn muốn giữ lại những bức thư đó thì bạn phải copy inbox lại.

Lỗi : Chương trình Outlook Express bị treo máy khi bạn gửi và nhận mail. Khi bạn dùng Outlook Express nếu bạn soạn thư xong và bấm vào nút send để gửi thư đi thì đột nhiên máy của bạn bị treo và bạn phải khởi động (Restart) lại máy sau đó mới gửi đi được.

-Nguyên nhân: Chọn sai biểu tượng quay số kết nối vào mạng.

-Khắc phục tình trạng này bạn làm như sau:

+Trên chương trình Outlook Express bạn nhấp vào menu: Tools -> Options -> Send. Trong hộp thoại bạn sẽ thấy dòng chữ nhấp bỏ chọn trong ô: Send messages immediately -> OK.

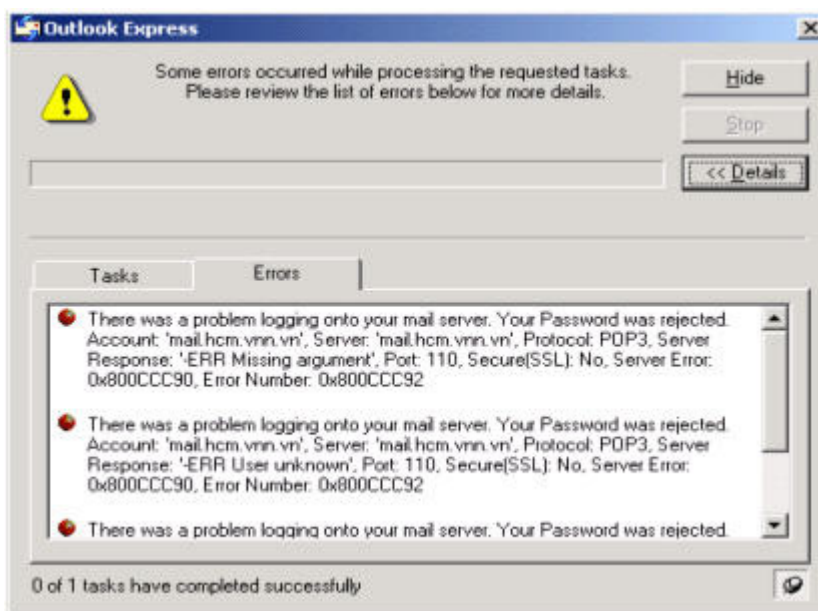
+Tiếp theo bạn vào cửa Click chuột vào trở lại vào chữ Tools->accounts ->Mails. Chọn Account VNN (thường là dòng Mail.hcm.vnn.vn) -> Properties->Connections. Trong hộp thoại, bạn kiểm tra chương trình mail giống như hình dưới đây không?

+Lỗi đã kết nối vào Internet nhưng khi nhấp nút Send and Receive thấy xuất hiện hộp thoại





hoặc sau khi ấn nút Cancel thấy xuất hiện hộp thoại sau đây:



-Nguyên nhân :

+ Sai tên truy cập vào hộp thoại mail.

+ Sai mật khẩu mail.

-Khắc phục: kiểm tra tên và mật khẩu vào hộp thư.

Chú ý: Tên và mật khẩu truy cập vào hộp thư đều phải phân biệt chữ in hoa và chữ in thường.

BIẾN MÁY BẠN THÀNH INTEL PENTIUM IV

Nếu máy bạn thuộc loại máy "con nhà nghèo" nhưng bạn vẫn có thể tự hào khoe với bạn bè mình máy bạn thuộc cỡ Pentium IV thì với thủ thuật nhỏ sau đây sẽ biến "giấc mơ đó thành sự thật"

Đối với Win9x

- Bước 1: Bạn mở trình soạn thảo Notepad
 - Bạn đánh dòng lệnh sau đây:
 - REGEDIT4
 - [HKEY_LOCAL_MACHINE\Hardware\Description\System\CentralProcessor\0]
 - "VendorIdentifier"="Intel Pentium IV CPU: 3.4 GHz"
 - "Identifier"="Only Power Of Intel"
- Bước 2: Bạn lưu đoạn lệnh đó dưới dạng .reg (ví dụ : IntelP4.reg) tiếp theo bạn tạo một Shortcut của file bạn vừa lưu vào di chuyển nó vào thư mục Startup trong Windows.
- Bước 3 : Trong thư mục Startup bạn chọn tập tin mà bạn vừa Move vào và chọn Tab shortcut chọn target và biên soạn với nội dung :
 - REGEDIT.EXE /s c:\Mydocuments\ IntelP4.reg (ở đây lệnh này có nghĩa là mỗi lần bạn khởi động máy file có đuôi .reg này sẽ tự kích hoạt một cách âm thầm và không ai có thể biết được, đường dẫn trong c:\Mydocuments\ IntelP4.reg là đường dẫn nơi và tên bạn lưu tập tin đó)

Đối với WinXp

- Bạn cũng mở trình soạn thảo và biên soạn nội dung sau:
 - Windows Registry Editor Version 5.00
 - [HKEY_LOCAL_MACHINE\HARDWARE\DESCRIPTION\System\CentralProcessor\0]
 - "VendorIdentifier"="Intel Pentium IV CPU: 3.4 MHz"
 - "Identifier"="Only Power Of Intel"
- Các bước sau thì bạn cũng làm tương tự như trên

Sau khi làm xong tất cả các bước tương ứng với Windows của máy bạn thì bạn chỉ việc khởi động máy lại và vào Systems Properties để xem thành quả lao động của mình, chúc các bạn thành công và có được một cấu hình máy như ý.

BIẾN CHỮ START TRÊN WINDOWS XP THÀNH TÊN GỌI TÙY THÍCH

Bài viết này tôi sẽ giới thiệu một thủ thuật nhỏ mà bạn có thể đặt tên gọi tùy ý cho nút "Start" trên Windows XP. Điểm hay của thủ thuật này là nút "Start" mới tạo ra không bị giới hạn chỉ trong 5 ký tự như một số cách làm khác

Lưu ý trước khi thực hiện:

- Thủ thuật này chỉ ứng dụng cho Hệ điều hành Windows XP phiên bản Professional và Home.
- Tập tin mà thủ thuật này sử dụng là "explorer.exe" tại thư mục C:\Windows (C: là phân vùng ổ đĩa cài đặt hệ điều hành Windows XP). Bạn nên sao lưu lại tập tin này với một tên mới (ví dụ: ExBackup.exe) vào cùng thư mục này để dùng khi cần thiết.
- Windows XP của bạn phải sử dụng giao diện chuẩn mặc định là Windows XP (themes) thì thủ thuật thay đổi này mới có hiệu lực. Để thiết lập giao diện chuẩn này bạn vào Desktop\ Properties\ chọn tab Themes và duyệt đến theme "Windows XP". Bạn cũng có thể chọn giao diện chuẩn để hiển thị kết quả sau khi thực hiện hoàn tất thủ thuật này.

THỰC HIỆN

- Bước 1: Tải về phần mềm Resource Hacker

- Thực hiện thủ thuật này bạn sẽ cần đến một công cụ biên tập đặc biệt đó là Resource Hacker để hiệu

chỉnh tập tin "explorer.exe" trong WindowsXP. Đây là một phần mềm miễn phí dùng để xem, hiệu chỉnh, thay đổi tên, thêm xóa... các tập tin nguồn (*.res) và các tập tin thực thi (*.exe, *.dll, *.cpl, *.ocx...) trên các ứng dụng Windows 32 bits (từ Win95 đến WinXP).

Resource Hacker phiên bản hiện tại là v3.4.0 (dung lượng 540 KB), bạn có thể tải về các địa chỉ <http://delphi.icm.edu.pl/ftp/tools/ResHack.zip> hay <http://www.users.on.net/~johnson/resourcehacker/reshack.zip>

Cũng cần tải tập tin hướng dẫn sử dụng (dung lượng 115 KB) tại:

http://www.users.on.net/~johnson/resourcehacker/reshack_hlp.zip

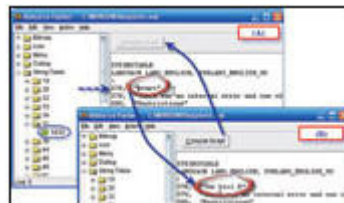
- Sau khi tải phần mềm xong, bạn giải nén tập tin ResHack.zip vào một thư mục nào đó trên ổ đĩa cứng và chọn tập tin "ResHacker.exe" để thực hiện thủ thuật này. Phần mềm này tự chạy, không cần phải cài đặt



- Bước 2: Chỉnh sửa tập tin "Explorer.exe"
 - Bạn vào File\Open và mở tập tin "explorer.exe" tại thư mục <C:\Windows>.
 - Chọn thư mục "String Table". Nhấp chuột vào dấu "+" phía trước "String Table" hay nhấp kép vào "String Table" để mở rộng thư mục này.



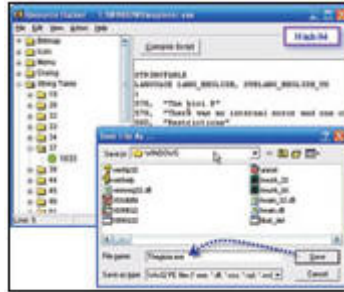
- Duyệt đến mục "37" và chọn mục "1033", bạn sẽ thấy màn hình mới hiện ra như hình 3 (phần A)
- Đến đây, bạn sẽ thay đổi chữ "Start" (tại dòng 578 được đánh dấu như trong hình 3 phần A) bằng một chữ nào đó tùy ý bạn. Ở đây tôi sử dụng tên ví dụ là "Quan tri mang" thay cho chữ "start" bằng cách quét chọn chữ hay nhấp kép chuột lên chữ "start".
- **Lưu ý:**
 - 1/ Bạn không được xóa đi dấu nhảy kép mà chỉ thay thế phần chữ bên trong dấu nhảy kép thôi (xem hình 3 phần B); 2/ Bạn có thể đặt một tên mới bao gồm cả khoảng trắng và ký tự đặc biệt như: ! @ # \$.



- So sánh hình 3 phần A (bên trên) và phần B (bên dưới) bạn sẽ thấy sau khi nhập vào chữ "The Gioi @" hay bất kỳ chữ nào khác thì nút "Compile Script" (bị mờ đi trong phần A) đã được tô đậm lên để bạn chấp nhận thay đổi (đậm lên trong phần B). Nếu bạn đã

đồng ý với chữ vừa thay thế, bạn phải nhấp vào nút "Compile Script" này thì thay đổi mới có hiệu lực.

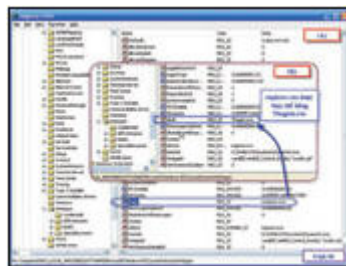
- Bạn sẽ lưu lại tập tin này với một tên mới tại thư mục C:\Windows bằng cách chọn từ trình đơn File\ Save As (xem hình 4).



- **Lưu ý:** 1/ Bạn phải nhập vào tên mới với cả phần mở rộng là ".exe" (ở đây tôi dùng tên tập tin là "quantrimang.exe"); 2/ Quy cách đặt tên tập tin: Không được dùng các ký tự đặc biệt hay khoảng trắng; 3/ Bạn không nên lưu lại trùng với tên "explorer.exe" bằng cách dùng phím tắt Ctrl + S hay từ trình đơn File\ Save; 4/ Bạn có thể vào thư mục C:\Windows để kiểm tra lại tập tin mới này có cùng thuộc tính và dung lượng với tập tin "explorer.exe" ban đầu hay không.

• Bước 3: Chỉnh sửa Registry

- Sau khi hoàn tất thay đổi tên gọi cho chữ "start", bạn phải đăng ký với Registry để Windows XP nhận biết được thay đổi này của bạn khi khởi động máy tính.
- Bạn vào trình đơn Start\ Run, nhập vào "Regedit" (không có dấu ngoặc kép) và nhấn Enter hay nút OK trên hộp thoại này, màn hình Registry Editor sẽ hiện ra. Tiếp theo, bạn duyệt đến thư mục Winlogon theo đường dẫn sau:
[HKEY_LOCAL_MACHINE\SOFTWARE\Microsoft\Windows NT\CurrentVersion\Winlogon]
- Bạn chọn đến khóa Shell trong khung màn hình bên phải.
- Tiếp theo, bạn nhấp kép vào khóa Shell (khóa được tô sáng trong màn hình bên phải) để mở hộp thoại "Edit String". Trong ô dữ liệu Value data, bạn nhập vào tên tập tin mới mà bạn đã thay đổi là "quantrimang.exe" như ở bước 2 trên đây, và nhấp OK.
- Sau khi hoàn tất bước cập nhật trên đây, tập tin "explorer.exe" đã được đổi thành "quantrimang.exe", xem hình 5 phần B.



- Kết thúc bước 3 này, bạn đóng màn hình Registry và khởi động lại máy tính thì thủ thuật thay đổi này mới có hiệu lực.

Lưu ý sau khi thực hiện thủ thuật này:

1/ Nếu khởi động máy tính rồi mà chữ "start" vẫn còn xuất hiện trên menu Windows, bạn hãy kiểm tra lại xem giao diện Windows mà bạn đang dùng có phải là giao diện chuẩn mặc định không (Windows XP theme). Nếu không đúng thì bạn thực hiện thay đổi giao diện như lưu ý trong phần đầu của thủ thuật này.

2/ Trường hợp bạn khởi động lại máy tính mà màn hình không xuất hiện gì cả, bạn sẽ thực hiện khắc phục sự cố không mong muốn này như sau:

- Nhấn tổ hợp phím nóng "Ctrl+Alt+Del" để vào Windows Task Manager.
- Bấm vào File\New Task (Run...) (chức năng tương tự như bấm vào Start\Run) và nhập vào "regedit" để mở tập tin Registry, sau đó nhấn Enter hay phím OK trên hộp thoại này.
- Thực hiện giống như bước 3, nhưng lần này bạn cho giá trị trong ô dữ liệu Value data trở về giá trị ban đầu của nó là "explorer.exe" (hay là "ExBackup.exe" như ví dụ trong phần lưu ý đầu tiên của thủ thuật này).
- Hoàn tất chỉnh sửa Registry xong, bạn trở lại Windows Task Manager vào tab Shut Down\ Restart để khởi động lại, máy tính của bạn sẽ trở về trạng thái ban đầu.

3/ Trong Process (vào Task Manager và chọn tab Process) trên máy tính bạn xuất hiện tập tin "quantrimang.exe" đang được hoạt động. Bạn cũng đừng ngạc nhiên và bạn cũng đừng kết thúc khi thấy Process này xuất hiện nhé! Nếu bạn kết thúc (End Process) này thì Windows của bạn sẽ mất đi trình "Explorer" và sẽ không hoạt động bình thường. Giải thích cho sự xuất hiện này là vì bạn đã thay đổi "explorer.exe" bằng tập tin "quantrimang.exe" khi thực hiện chỉnh sửa Registry ở bước 3 trên đây.

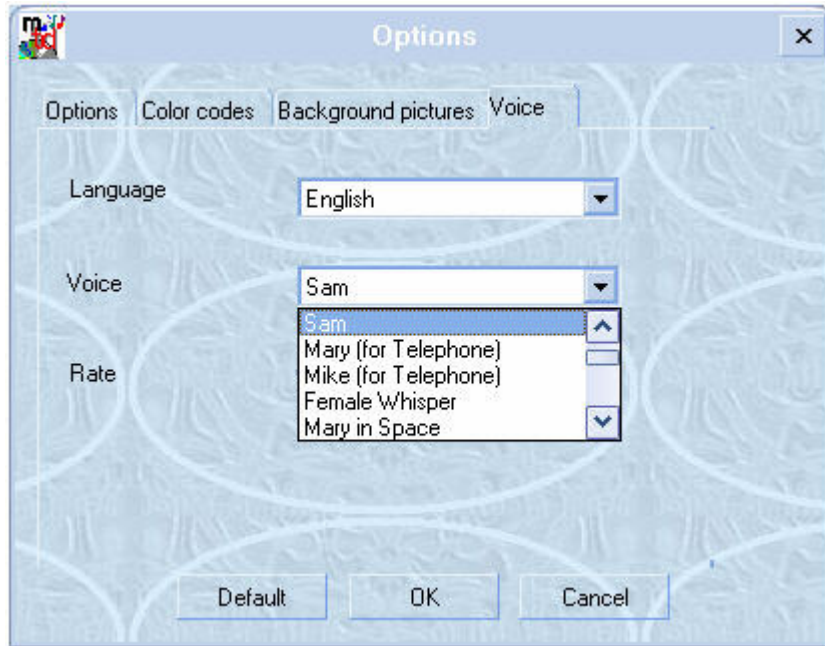
Chúc bạn thành công!

BÍ KÍP KHAI THÁC LẠC VIỆT MTD 2002

Lạc Việt từ điển là một bộ từ điển khá thông dụng , được sử dụng trong hầu hết các máy tính văn phòng trong nước . Mọi người đều dùng Lạc Việt MTD trong công việc tra cứu của mình . Tuy nhiên , không phải ai cũng biết khai thác được các tính năng của bộ từ điển đa năng này . Bài viết này xin giới thiệu vài chiêu tận dụng các tính năng sẵn có của Lạc Việt MTD .

Chiêu thứ nhất : Đọc văn bản bằng cả tiếng Anh lẫn Việt

- Chiêu này rất thích hợp cho các học sinh cần luyện nghe - nói bằng tiếng Anh hay các ông " tây " muốn học tiếng việt của chúng ta .
- Vào Menu Tools > Listening . Hộp thoại Listening hiện ra (hình 1) , Bạn gõ nội dung cần đọc vào khung text sau đó chọn ngôn ngữ thích hợp bằng cách bấm vào một trong các nút chọn Vietnamese và English trong phần languages . Ngoài ra , bạn có thể chỉnh lại âm lượng (Volume) , tốc độ (rate) , cường độ (Pitch) bằng cách kéo các thanh tương ứng trước khi chọn Play để bắt đầu nghe .
 - Lưu ý :
 - Để phát âm đúng Tiếng Việt , khi gõ , bạn nên dùng bộ gõ tiếng việt Built In của lạc Việt MTD bằng cách đánh vào nút Vietnamese , chọn kiểu gõ Vni hay telex . vì nếu sử dụng các bộ gõ khác như vietkey hay Unikey , bạn có thể sẽ bật cười vì bất ngờ trước cách đánh văn rất "ngổ" của nhân vật trong từ điển .
 - Để thay đổi giọng đọc khác , chúng ta vào menu tools > options , chuyển đến thẻ voice (hình 2) ,Sau đó , chọn lại giọng đọc trong danh sách thả xuống trong phần voice rồi nhấn Ok để thay đổi có hiệu lực

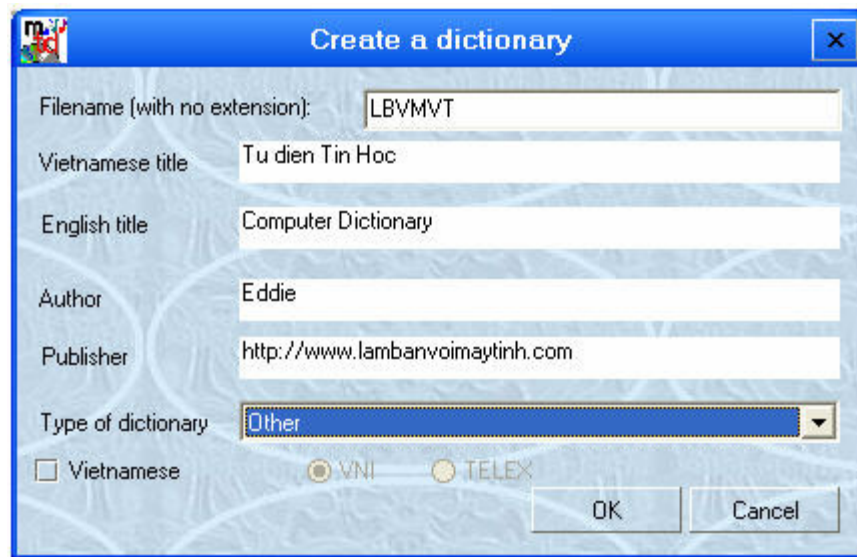



Chiêu Thứ hai : Tạo bộ từ điển mới cho chính bạn .

Với Lạc Việt MTD 2002 , bạn có thể quản lý , xóa , chỉnh sửa hay tạo thêm cho mình một bộ từ điển chuyên môn không thua kém các bộ từ điển sẵn có (chỉ có điều , hơi bị cực một tí thôi) . Bạn có thể làm được những điều ấy trong hộp thoại quản lý từ điển (Tools > Dictionary management) .

Trong bài này , xin trình bày bạn cách tạo thêm một bộ từ điển mới .

- Trước tiên , bạn bật hộp thoại quản lý từ điển trong Menu Tools > Dictionary management . Sau đó nhấn vào nút Create ... để tạo một từ điển mới .
- Trong hộp thoại Create a Dictionary , bạn điền đầy đủ các thông số như Tên tập tin (File name , không cần gõ phần đuôi mở rộng) , Tiêu Đề Tiếng Việt (Vietnamse Title) , Tiếng Anh (English Title) , Tác giả (Author) , nhà xuất bản (Publisher) . Trong phần Type Of dictionary , bạn chọn loại từ điển tương ứng hoặc chọn Other rồi nhấn Ok (hình 3) . Lạc Việt MTD 2002 sẽ giúp bạn tạo một tập tin có dạng *tentaptinbandachon.dit* nằm trong thư mục Data trong thư mục cài đặt của MTD . Đây chính là mã nguồn của bộ từ điển mới của bạn . Bạn có thể copy tập tin này và đem phổ biến hoặc tặng cho bạn bè .



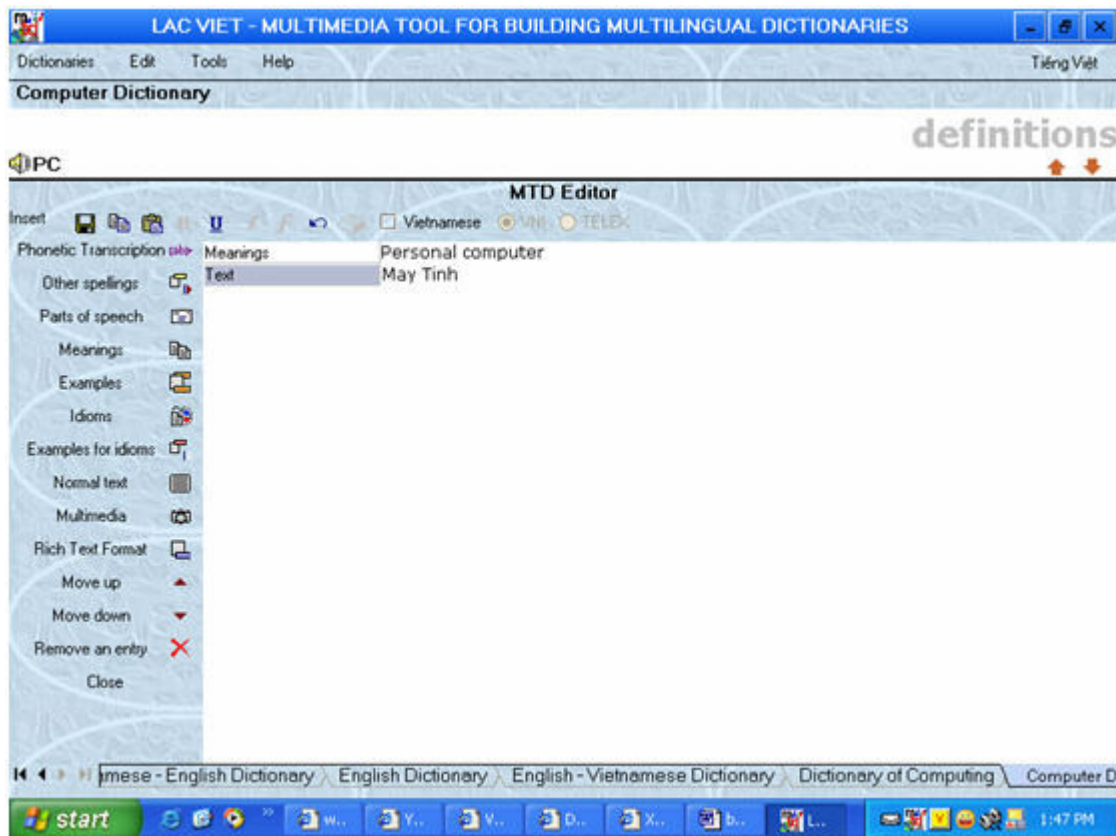
- Vừa tạo xong , từ điển của bạn dĩ nhiên là chẳng có gì cả . Vì thế bạn cần bổ dung thêm từ vào cho nó bằng cách chọn đến tab từ điển của bạn trong cửa sổ chính và nhấn vào nút  để thêm từ mới vào trong từ điển của bạn . Hộp thoại Add an Entry xuất hiện (hình 4) , bạn điền từ cần thêm vào Ô New Entry rồi nhấn Ok để đến bước tiếp theo



- Đến cửa sổ MTD Editor (hình 5) , các mục cần đưa vào nội dung từ điển được liệt kê theo thứ tự trên thanh liệt kê nằm bên trái của màn hình Editor. Trong đó có các mục :
 - Phonetic Transcription : Phiên âm quốc tế của từ
 - Other Spelling : Cách viết khác của từ
 - Parts Of Speech : Từ loại : danh từ , động từ , tính từ ...
 - Meanings : Nghĩa
 - Examples : Ví dụ
 - Idioms : Thành ngữ
 - Examples for Idioms : Ví dụ thành ngữ

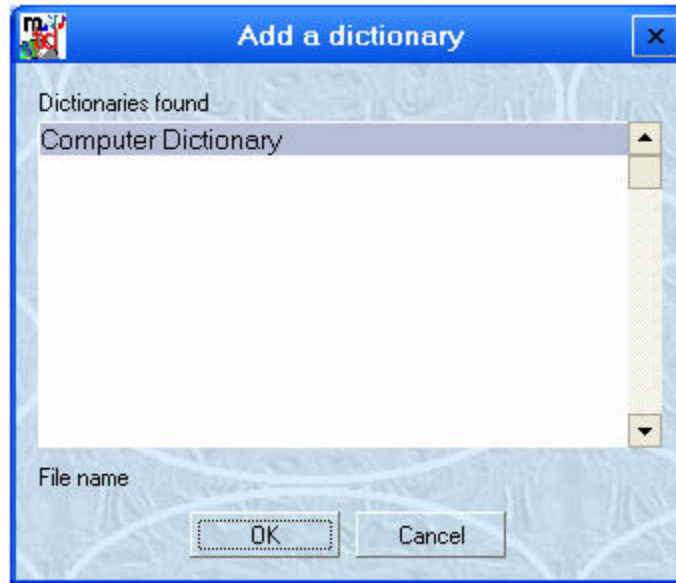
- Normal text : văn bản bổ sung thêm vì thông thường mục nhập nghĩa trong MTD bị giới hạn số lượng từ
- Multimedia : Chèn thêm tư liệu , hình ảnh , âm thanh
- Rich Text Format : RTF tương tự như Normal text nhưng có thêm nhiều tính năng như in nghiêng , in đậm , đổi màu chữ , đổi phông ...
- Move up , move down : Di chuyển , sắp xếp lại thứ tự trình bày của các mục .
- Remove Entry : xóa mục này .
- Close : thoát khỏi MTD Editor .

Bạn chọn mục nào mình cần thêm vào cho từ bằng cách nhấp vào các nút tương ứng . Mục đó sẽ xuất hiện trong phần soạn thảo và bạn chỉ việc gõ nội dung cần đưa vào . Sau đó nhấn nút Save để lưu lại và close để thoát khỏi . Tiếp tục với các từ còn lại và bạn sẽ có một bộ từ điển hoàn chỉnh . Bạn có thể tham khảo kỹ hơn trong phần trợ giúp của Lạc Việt MTD (Nhấn Phím F1 hoặc vào menu Help > Help ...)



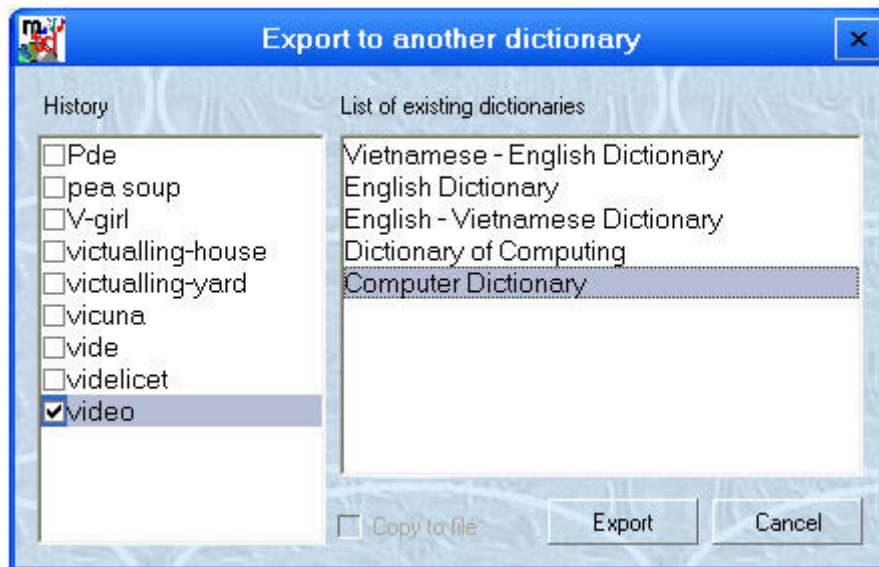
Chiêu thứ 3 : Thêm từ điển đã có trong máy vào MTD

Trong chiêu trước , bạn đã tạo thêm một từ điển mới còn chiêu này , bạn có thể Import các tập tin .dit vào trong Lạc Việt MTD để sử dụng (trong trường hợp : bạn được tặng một bộ từ điển được tạo bằng chiêu số 2 trên) . Trước tiên , bạn phải chép tập tin .dit đó vào thư mục cài đặt của MTD , sau đó vào hộp thoại Dictionary management , bạn nhấn nút Add để MTD tự động dò tìm giúp bạn các bộ từ điển đi lạc (không có trong danh sách từ điển trong phần List of Existing dictionaries) . MTD sẽ dò tìm các tập tin .dit có trong thư mục cài đặt và liệt kê danh sách các từ điển mà nó tìm được (trong đó sẽ có từ điển bạn muốn thêm vào) . Bây giờ , việc của bạn là chọn tên từ điển trong dictionaries found và nhấn nút Ok (hình 6) . Thế là xong .



Chiêu cuối : Chép các mục từ có sẵn vào từ điển khác

Với chiêu này , ta có thể chép các từ trong bộ từ điển này vào bộ từ điển khác để tiết kiệm thời gian và công sức bằng cách chọn từ cần chép và vào Menu Tools > Export to ... Hộp thoại Export to Another Dictionary xuất hiện , bạn đánh dấu kiểm vào từ cần xuất và chọn từ điển đích trong List of existing dictionaries rồi nhấn nút Export để MTD thực hiện giúp bạn (hình 7) .

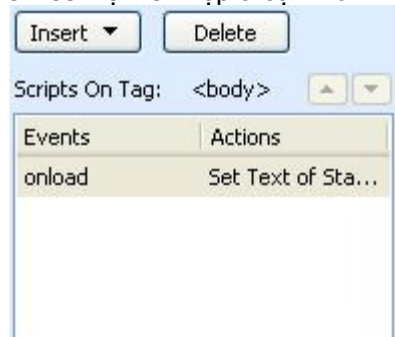


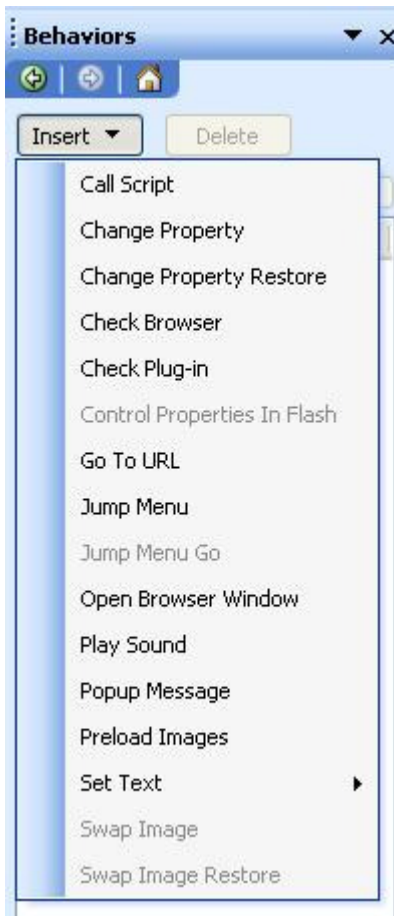
BEHAVIORS - MỘT CHỨC NĂNG RẤT HAY TRONG FRONTPAGE 2003

Đây là một chức năng rất hay nhưng ít người biết đến trong Frontpage. Rất tiện lợi, bổ ích cho những người thích thiết kế website nhưng không rành về lập trình HTML, java script. Behaviors sẽ giúp bạn tạo ra các website sống động mà không cần biết gì về java script !! Khởi động Behaviors: Format > Behaviors... sẽ hiện lên hộp thoại như hình dưới.

Cách sử dụng :

- **Nút Insert** : chèn các sự kiện
 - **Nút Delete** : xoá sự kiện
- Trong bảng Behaviors có 2 phần :
- + **Phần Events** : tên sự kiện, bạn có thể thay đổi các sự kiện chính như sau (khi click vào tên sự kiện sẽ hiện ra menu để chọn) :
 - **onafterupdate** : sau khi cập nhật
 - **onclick** : khi bạn click chuột vào đối tượng
 - **ondblclick** : khi nhấp 2 lần vào đối tượng
 - **onkeydown** : khi có một phím được nhấn.
 - **onkeypress** : khi có một phím bị nhấn và giữ không nhả lên (đè phím)
 - **onkeyup** : khi nhả phím
 - **onmousedown** : khi nhấn chuột vào đối tượng
 - **onmousemove** : khi di chuyển chuột trên đối tượng
 - **onmouseout** : khi trỏ chuột rời đối tượng
 - **onmouseover** : khi di chuyển chuột lên đối tượng
 - **onmouseup** : khi click chuột nhưng thả ra liền
 - **onresize** : khi thay đổi kích thước
 - **onload** : khi mở trang web
 - **onfilterchange** : khi có sự thay đổi





+ **Phần Actions** : tên hành động (không thể thay đổi nên khi sai thì Delete rồi Insert lại)

- **Call Script** : gọi một file Java Script. Khi bạn nhấn vào đây có một hộp thoại yêu cầu bạn nhập tên file Java Script mà bạn đã viết (nên lưu file .js cần dung ở thư mục gốc)

- **Change Property** : thay đổi định dạng của hình ảnh, table , text. Khi nhấp vào sẽ hiện ra một hộp thoại với các định dạng tương ứng, bạn chỉ việc thay đổi. Có một nút chọn phía dưới là Restore on mouseout event : tức là sẽ phục hồi định dạng ban đầu khi trỏ chuột rời khỏi tượng.

- **Change Property restore** : phục hồi lại định dạng ban đầu của đối tượng.(không phải Insert lệnh này khi bạn đã chọn Restore on mouseout event)

- **Check Browser** : chọn một trình duyệt để mở trang web.

- **Check Pulg-in** : chọn pulg-in

- **Go to URL** : mở một liên kết

- **Jump Menu** : tạo một nemu sổ xuống

- **Open Browser Window** : mở một trang web với cửa sổ mới (có thể thay đổi kích thước... của cửa sổ)

- **Play sound** : chơi nhạc

- **Popup message** : tạo một thông báo

- **Set text** : tạo text trong thanh Status bar hoặc layer hoặc frame hoặc text field

- **Swap image** : thay đổi hình ảnh

- **Swap image** : phục hồi hình ảnh ban đầu

Lưu ý : bạn có thể áp dụng nhiều sự kiện hành động cho một đối tượng. Chúc các bạn có một website sống động bổ ích

NHỮNG HƯỚNG DẪN TĂNG CƯỜNG AN TOÀN, BẢO MẬT CHO HỆ THỐNG MẠNG PHẦN I

Bùi Hồng Quang**Sưu tâm tại website [Viethacker](http://Viethacker.com)**Email: BHQLTT@s.vnn.vn or BHQLTT@vnws.com

Bài viết này sẽ trình bày các vấn đề được xem là nền tảng của an toàn, bảo mật trong một tổ chức, doanh nghiệp. Các vấn đề được trình bày bao gồm cả bảo mật ở mức hệ thống và ứng dụng sẽ là cơ sở cho các tổ chức khi muốn xây dựng cơ chế bảo mật. Tài liệu cũng giúp bạn rút ngắn được thời gian tiếp cận vấn đề đảm bảo an toàn cho hệ thống mạng nội bộ của mình. Bạn không cần mất nhiều thời gian để tìm hiểu mọi thứ. Khi xem xét mọi vấn đề, nơi tốt nhất để khởi đầu chính là các căn bản – ở đây, chúng tôi sẽ trình bày 6 bước cơ bản để hệ thống bảo mật tốt hơn.

Bước 1: Thành lập bộ phận chuyên trách về vấn đề bảo mật

Bất kỳ kế hoạch bảo mật nào cũng cần sự hỗ trợ trên nhiều phương diện khác nhau, nếu nó muốn thành công. Một trong những phương thức tốt nhất để có thể được sự hỗ trợ là nên thiết lập một bộ phận chuyên trách về vấn đề bảo mật. Bộ phận này sẽ chịu trách nhiệm trước công ty về các công việc bảo mật.

Mục đích trước tiên của bộ phận này là gây dựng uy tín với khách hàng. Hoạt động của bộ phận này sẽ khiến cho khách hàng cảm thấy yên tâm hơn khi làm việc hoặc sử dụng các dịch vụ của công ty. Bộ phận này có trách nhiệm thường xuyên cung cấp các lưu ý, cảnh báo liên quan đến an toàn bảo mật thông tin nhằm tránh các rủi ro đáng tiếc cho khách hàng và công ty.

Bộ phận này còn có trách nhiệm tìm hiểu, đưa ra giải pháp, cơ chế bảo mật cho toàn công ty. Sẽ là hiệu quả và xác thực hơn khi công việc này được thực hiện bởi chính đội ngũ trong công ty thay vì đi thuê một công ty bảo mật khác thực hiện.

Cuối cùng, một bộ phận chuyên trách về vấn đề bảo mật có thể thay đổi cách làm, cách thực hiện công việc kinh doanh của công ty để tăng tính bảo mật trong khi cũng cải tiến được sức sản xuất, chất lượng, hiệu quả và tạo ra sức cạnh tranh của công ty. Ví dụ, chúng ta hãy nói đến VPN (Virtual Private Network), đây là một công nghệ cho phép các nhân viên đảm bảo an toàn khi đọc email, làm việc với các tài liệu tại nhà, hay chia sẻ công việc giữa hai nhân viên hay hai phòng ban.

Bước 2: Thu thập thông tin

Trước khi đưa ra các thông báo mô tả thực hiện bảo mật, bạn phải lường được mọi tình huống sẽ xảy ra, không chỉ bao gồm toàn bộ các thiết bị và hệ thống đi kèm trong việc thực hiện bảo mật mà còn phải kể đến cả các tiền trình xử lý, các cảnh báo bảo mật, sự thẩm định hay các thông tin cần được bảo vệ. Điều này rất quan trọng khi cung cấp một cái nhìn bao quát về hệ thống bảo mật của công ty. Sự chuẩn bị này cũng nên tham chiếu tới các chính sách bảo mật cũng như các hướng dẫn thực hiện của công ty trong vấn đề an toàn bảo mật. Phải lường trước được những gì xảy ra trong từng bước tiến hành của các dự án.

Để kiểm tra mức độ yếu kém của hệ thống, hãy bắt đầu với những vấn đề có thể dẫn tới độ rủi ro cao nhất trong hệ thống mạng của bạn, như Internet. Hãy sử dụng cơ chế bảo mật bên ngoài từ sản phẩm của một hãng có danh tiếng, có thể cung cấp thông tin cần thiết để ước lượng mức bảo mật hiện tại của công ty bạn khi bị tấn công từ Internet. Sự thẩm định này không chỉ bao gồm việc kiểm tra các lỗ hổng, mà còn gồm cả các phân tích từ người sử dụng, hệ thống được kết nối bằng VPN, mạng và các phân tích về thông tin công cộng sẵn có.

Một trong những cân nhắc mang tính quan trọng là thẩm định từ bên ngoài vào. Đây chính là điểm mấu chốt trong việc đánh giá hệ thống mạng. Điển hình, một công ty sử dụng cơ chế bảo mật bên ngoài, cung cấp các dịch vụ email, Web theo cơ chế đó, thì họ nhận ra rằng, không phải toàn bộ các tấn công đều đến từ Internet. Việc cung cấp lớp bảo mật theo account, mạng bảo vệ bản thân họ từ chính những người sử dụng VPN và các đồng nghiệp, và tạo ra các mạng riêng rẽ từ các cổng truy cập đầu cuối là toàn bộ các ưu thế của cơ chế này.

Cơ chế bảo mật bên trong cũng giúp việc quản lý bảo mật công ty được tốt hơn. Bằng cách kiểm tra toàn bộ công việc kinh doanh, các cơ chế chính sách, các quá trình xử lý, xác thực dữ liệu tương phản với những gì được mô tả, hay sự tương thích với những chuẩn đã tồn tại được thẩm định. Cơ chế bảo mật bên trong cung cấp thông tin một cách chi tiết tương tự như việc khảo sát kỹ lưỡng phạm vi ở mức sâu hơn, thậm chí bao gồm cả việc phá mã mật khẩu và các công cụ phân tích hệ thống để kiểm tra tính tương thích về chính sách trong tương lai.

Bước 3: Thẩm định tính rủi ro của hệ thống

Khi thẩm định tính rủi ro của hệ thống, hãy sử dụng công thức sau:

Tính rủi ro = Giá trị thông tin * Mức độ của lỗ hổng * Khả năng mất thông tin

Tính rủi ro bằng với giá trị thông tin trong câu hỏi (bao gồm giá trị đồng tiền, giá trị thời gian máy bị lỗi do lỗi bảo mật, giá trị mất mát khách hàng – tương đối), thời gian của quy mô lỗ hổng (tổng cộng/từng phần của tổn thất dữ liệu, thời gian hệ thống ngừng hoạt động, sự nguy hiểm khi dữ liệu hỏng), thời gian về khả năng xuất hiện mất thông tin.

Để lấy được các kết quả từ bước đầu (các giá trị, báo cáo về cơ chế bảo mật ngoài, và chính sách bảo mật), và tập trung vào 3 trong số các mặt thường được đề cập. Sau đó, bắt đầu với một số câu hỏi khung sau:

- Cơ chế bảo mật đã tồn tại của công ty có được đề ra rõ ràng và cung cấp đủ biện pháp bảo mật chưa?
- Kết quả từ cơ chế bảo mật bên ngoài có hợp lệ so với chính sách bảo mật của công ty?
- Có mục nào cần sửa lại trong cơ chế bảo mật mà không được chỉ rõ trong chính sách?
- Hệ thống bảo mật sẽ mất tác dụng trong tính rủi ro cao nhất nào?
- Giá trị, thông tin gì mang tính rủi ro cao nhất?

Các câu trả lời cung cấp cái nhìn toàn diện cho việc phân tích về toàn bộ chính sách bảo mật của công ty. Có lẽ, thông tin quan trọng được lấy trong quá trình kết hợp các giá trị thẩm định và tính rủi ro tương ứng. Theo giá trị thông tin, bạn có thể tìm thấy các giải pháp mô tả được toàn bộ các yêu cầu, bạn có thể tạo ra một danh sách quan tâm về lỗ hổng bảo mật.

Bước 4: Xây dựng giải pháp

Trên thực tế không tồn tại giải pháp an toàn, bảo mật thông tin dạng Plug and Play cho các tổ chức đặc biệt khi phải đảm bảo các luật thương mại đã tồn tại và phải tương thích với các ứng dụng, dữ liệu sẵn có. Không có

một tài liệu nào có thể lượng hết được mọi lỗ hổng trong hệ thống và cũng không có nhà sản xuất nào có thể cung cấp đủ các công cụ cần thiết. Cách tốt nhất vẫn là sử dụng kết hợp các giải pháp, sản phẩm nhằm tạo ra cơ chế bảo mật đa năng.

Firewall

Xem xét và lựa chọn một sản phẩm firewall hợp lý và đưa vào hoạt động phù hợp với chính sách của công ty là một trong những việc đầu tiên trong quá trình bảo mật hệ thống. Firewall có thể là giải pháp phần cứng hoặc phần mềm hoặc kết hợp cả hai. Nhiệm vụ của firewall là ngăn chặn các tấn công trực tiếp vào các thông tin quan trọng của hệ thống, kiểm soát các thông tin ra vào hệ thống. Việc lựa chọn firewall thích hợp cho một hệ thống không phải là dễ dàng. Các firewall đều phụ thuộc trên một môi trường, cấu hình mạng, ứng dụng cụ thể. Khi xem xét lựa chọn một firewall, cần tập trung tìm hiểu tập các chức năng của firewall, tính năng lọc địa chỉ, gói tin, ...

Hệ thống kiểm tra xâm nhập mạng (IDS)

Một firewall được gọi là tốt chỉ khi nó có thể lọc và tạo khả năng kiểm soát các gói tin khi đi qua nó. Và đây cũng chính là nơi mà hệ thống IDS nhập cuộc. Nếu bạn xem firewall như một con đập ngăn nước, thì thì bạn có thể ví IDS như một hệ thống điều khiển luồng nước trên các hệ thống xả nước khác nhau. Một IDS, không liên quan tới các công việc điều khiển hướng đi của các gói tin, mà nó chỉ có nhiệm vụ phân tích các gói tin mà firewall cho phép đi qua, tìm kiếm các chữ kí tấn công đã biết (các chữ kí tấn công chính là các đoạn mã được biết mang tính nguy hiểm cho hệ thống) mà không thể kiểm tra hay ngăn chặn bởi firewall. IDS tương ứng với việc bảo vệ đằng sau của firewall, cung cấp việc chứng thực thông tin cần thiết để đảm bảo chắc chắn cho firewall hoạt động hiệu quả.

Hệ thống kiểm tra xâm phạm dựa theo vùng (H-IDS)

Sự lựa chọn, thực hiện và sử dụng một hệ thống kiểm tra sự xâm phạm trên máy chủ dựa trên nhiều hệ điều hành và môi trường ứng dụng chỉ định. Một hàm chức năng đầy đủ của H-IDS có thể cung cấp các thông báo đều đặn theo thời gian của bất kỳ sự thay đổi nào tới máy chủ từ tác động bên trong hay bên ngoài. Nó là một trong những cách tốt nhất để giảm thiểu sự tổn thương của hệ thống. Việc tìm kiếm hệ thống mà hỗ trợ hầu hết các hệ điều hành sử dụng trong tổ chức của bạn nên được xem như một trong những quyết định chính cho mỗi H-IDS.

Hệ thống kiểm tra xâm phạm dựa theo ứng dụng (App-IDS)

Số lượng App-IDS xuất hiện trên thị trường ngày càng nhiều. Các công cụ này thực hiện việc phân tích các thông điệp từ một ứng dụng cụ thể hay thông tin qua proxy tới ứng dụng đó. Trong lúc chúng có mục đích cụ thể, chúng có thể cung cấp mức bảo mật tăng lên theo từng mảng ứng dụng cụ thể. Khi được kết hợp với một H-IDS, chúng đảm bảo rằng sự xâm nhập tới một máy chủ sẽ giảm thiểu. Một App-IDS nên được xem như một chức năng hỗ trợ bảo mật trong suốt, mặc dù không đúng trong một số trường hợp.

Phần mềm Anti-Virus (AV)

Phần mềm AV nên được cài trên toàn bộ máy trạm (workstation), máy chủ (server), hệ thống hỗ trợ dịch vụ số, và hầu hết những nơi chứa dữ liệu quan trọng vào ra. Hai vấn đề quan trọng nhất để xem xét khi đặt yêu cầu một nhà sản xuất AV quản lý nhiều máy chủ và máy trạm trên toàn bộ phạm vi của công ty là khả năng nhà cung cấp đó có đối phó được các đe

doạ từ virus mới hay không. (nguyên nhân: không bao giờ cho rằng phần mềm đang chạy, luôn kiểm tra phiên bản của virus và các file cập nhật cho virus mới).

Mạng riêng ảo (VPN)

Việc sử dụng VPN để cung cấp cho các nhân viên hay các cộng sự truy cập tới các tài nguyên của công ty từ nhà hay nơi làm việc khác với mức bảo mật cao, hiệu quả nhất trong quá trình truyền thông, và làm tăng hiệu quả sản xuất của nhân viên. Tuy nhiên, không có điều gì không đi kèm sự rủi ro. Bất kỳ tại thời điểm nào khi một VPN được thiết lập, bạn phải mở rộng phạm vi kiểm soát bảo mật của công ty tới toàn bộ các nút được kết nối với VPN.

Để đảm bảo mức bảo mật cho hệ thống này, người sử dụng phải thực hiện đầy đủ các chính sách bảo mật của công ty. Điều này có thể thực hiện được qua việc sử dụng các hướng dẫn của nhà sản xuất về dịch vụ VPN như hạn chế các ứng dụng có thể chạy ở nhà, cổng mạng có thể mở, loại bỏ khả năng chia kênh dữ liệu, thiết lập hệ thống bảo vệ virus khi chạy hệ thống từ xa, tất cả công việc này giúp giảm thiểu tính rủi ro. Điều này rất quan trọng đối với các công ty phải đối mặt với những đe dọa trong việc kiện cáo, mạng của họ hay hệ thống được sử dụng để tấn công các công ty khác.

Sinh trắc học trong bảo mật

Sinh trắc học đã được biết đến từ một số năm trước đây, nhưng cho đến nay vẫn có rất nhiều khó khăn cho việc nhân rộng để áp dụng cho các hệ thống bảo mật thương mại. Dấu tay, tròng mắt, giọng nói, ..., cung cấp bảo mật mức cao trên các mật khẩu thông thường hay chứng thực hai nhân tố, nhưng cho đến hiện tại, chúng cũng vẫn được coi như phương thức tốt nhất để truy cập vào hệ thống.

Các thẻ hệ thè thông minh

Các công ty gần đây sử dụng đã sử dụng thẻ thông minh như một phương thức bảo mật hữu hiệu. Windows 2000 cung cấp cơ chế hỗ trợ thẻ thông minh như một phương tiện chính trong việc chứng thực quyền đăng nhập hệ thống. Nói chung, sự kết hợp đa công nghệ (như tròng mắt, thẻ thông minh, dấu tay) đang dần hoàn thiện và mở ra một thời đại mới cho việc chứng thực quyền truy cập trong hệ thống bảo mật.

Kiểm tra máy chủ

Sự kiểm tra đều đặn mức bảo mật được cung cấp bởi các máy chủ phụ thuộc chủ yếu vào sự quản lý. Mọi máy chủ ở trong một công ty nên được kiểm tra từ Internet để phát hiện lỗ hổng bảo mật. Thêm nữa, việc kiểm tra từ bên trong và quá trình thẩm định máy chủ về căn bản là cần thiết để giảm thiểu tính rủi ro của hệ thống, như khi firewall bị lỗi hay một máy chủ, hệ thống nào đó bị trục trặc.

Hầu hết các hệ điều hành đều chạy trong tình trạng thấp hơn với mức bảo mật tối thiểu và có rất nhiều lỗ hổng bảo mật. Trước khi một máy chủ khi đưa vào sản xuất, sẽ có một quá trình kiểm tra theo một số bước nhất định. Toàn bộ các bản sửa lỗi phải được cài đặt trên máy chủ, và bất cứ dịch vụ không cần thiết nào phải được loại bỏ. Điều này làm tránh độ rủi ro xuống mức thấp nhất cho hệ thống.

Việc tiếp theo là kiểm tra các log file từ các máy chủ và các ứng dụng. Chúng sẽ cung cấp cho ta một số thông tin tốt nhất về hệ thống, các tấn công bảo mật. Trong rất nhiều trường hợp, đó chính là một trong những cách để xác nhận quy mô của một tấn công vào máy chủ.

Kiểm soát ứng dụng

Vấn đề an toàn bảo mật trong mã nguồn của các ứng dụng hầu hết không được quan tâm. Điều này không được thể hiện trên các sản phẩm như liệu nó có được mua, được download miễn phí hay được phát triển từ một mã nguồn nào đó. Để giúp đỡ giảm thiểu sự rủi ro bảo mật trong các ứng dụng, thẩm định lại giá trị của ứng dụng trong công ty, như công việc phát triển bên trong của các ứng dụng, Điều này cũng có thể bao gồm các đánh giá của các thực thể bên ngoài như đồng nghiệp hay các khách hàng.

Việc điều khiển cấu hình bảo mật các ứng dụng có thể làm tăng mức bảo mật. Hầu hết các ứng dụng được cấu hình tại mức tối thiểu của tính năng bảo mật, nhưng qua các công cụ cấu hình, mức bảo mật của hệ thống có thể được tăng lên. Lượng thông tin kiểm soát được cung cấp bởi ứng dụng cũng có thể được cấu hình. Nơi mà các ứng dụng cung cấp thông tin về quy mô bảo mật, thời gian kiểm soát và sự phân tích thông tin này sẽ là chìa khoá để kiểm tra các vấn đề bảo mật thông tin.

Các hệ điều hành

Sự lựa chọn hệ điều hành và ứng dụng là quá trình đòi hỏi phải có sự cân nhắc kỹ càng. Chọn cái gì giữa hệ điều hành Microsoft hay UNIX, trong rất nhiều trường hợp, điều thường do ấn tượng cá nhân về sản phẩm. Khi lựa chọn một hệ điều hành, thông tin về nhà sản xuất không quan trọng bằng những gì nhà sản xuất đó làm được trong thực tế, về khả năng bảo trì hay dễ dàng thực hiện với các tài liệu đi kèm. Bất kỳ một hệ điều hành nào từ 2 năm trước đây đều không thể đảm bảo theo những chuẩn ngày nay, và việc giữ các máy chủ, ứng dụng của bạn được cập nhật thường xuyên sẽ đảm bảo giảm thiểu khả năng rủi ro của hệ thống.

Khi lựa chọn một hệ điều hành, hãy tìm hiểu không chỉ các tiêu chuẩn thông thường như (quản trị, hiệu năng, tính chứng thực), mà còn phải xem xét khả năng áp dụng được của hệ điều hành với hệ thống hiện tại. Một hệ điều hành có thể cung cấp cơ chế bảo mật tốt hơn khi nó tương thích với các ứng dụng chạy bên trong nó như DNS hay WebServer, trong khi các hệ điều hành khác có thể có nhiều chức năng tốt hơn như một hệ thống application, database hay email server.

Bước 5: Thực hiện và giáo dục

Ban đầu, sự hỗ trợ cần thiết sẽ được đúc rút lại và lên kế hoạch hoàn chỉnh cho dự án bảo mật. Đây chính là bước đi quan trọng mang tính chiến lược của mỗi công ty về vấn đề bảo mật. Các chi tiết kỹ thuật của bất kỳ sự mô tả nào cũng sẽ thay đổi theo môi trường, công nghệ, và các kỹ năng liên quan, ngoài ra có một phần không nằm trong việc thực thi bảo mật nhưng chúng ta không được coi nhẹ, đó chính là sự giáo dục. Để đảm bảo sự thành công bảo mật ngay từ lúc đầu, người sử dụng phải có được sự giáo dục cần thiết về chính sách, gồm có:

- Kỹ năng về các hệ thống bảo mật mới, các thủ tục mới.
- Hiểu biết về các chính sách mới về tài sản, dữ liệu quan trọng của công ty.
- Hiểu các thủ tục bắt buộc mới, chính sách bảo mật công ty.

Nói tóm lại, không chỉ đòi hỏi người sử dụng có các kỹ năng cơ bản, mà đòi hỏi họ phải biết như tại sao và cái gì họ đang làm là cần thiết với chính sách của công ty.

Bước 6: Tiếp tục kiểm tra, phân tích và thực hiện

Hầu hết những gì mong đợi của một hệ thống bảo mật bất kỳ là chạy ổn định, điều khiển được hệ thống và nắm bắt được các luồng dữ liệu của hệ thống. Quá trình phân tích, tổng hợp các thông tin, sự kiện từ firewall, IDS's, VPN, router, server, và các ứng dụng là cách duy nhất để kiểm tra hiệu quả của một hệ thống bảo mật, và cũng là cách duy nhất để kiểm tra hầu hết sự vi phạm về chính sách cũng như các lỗi thông thường mắc phải với hệ thống.

Theo luận điểm này, chúng tôi tập trung chủ yếu vào các bước mang tính hệ thống để cung cấp một hệ thống bảo mật. Từ đây, chúng tôi sẽ chỉ ra một vài bước đi cụ thể để cải thiện hệ thống bảo mật, dựa trên kết quả của việc sử dụng các phương thức bảo mật bên ngoài và bảo mật bên trong của hệ thống. Chúng tôi cũng giới hạn phạm vi của các gợi ý này theo các vấn đề chung nhất mà chúng tôi đã gặp phải, để cung cấp, mô tả vấn đề một cách chính xác hơn cũng như các thách thức mà mạng công ty phải đối mặt ngày nay. Để mang tính chuyên nghiệp hơn về IT, các gợi ý này được chia thành các phần như sau:

Đặc điểm của bảo mật

- Tạo bộ phận chuyên trách bảo mật để xem xét toàn bộ các vấn đề liên quan tới bảo mật
- Thực hiện các thông báo bảo mật tới người sử dụng để đảm bảo mọi người hiểu và thực hiện theo các yêu cầu cũng như sự cần thiết của việc thực hiện các yêu cầu đó.
- Tạo, cập nhật, và theo dõi toàn bộ chính sách bảo mật của công ty.

Windows NT/IIS

- Hầu hết 95% các vấn đề bảo mật của NT/IIS, chúng ta có thể giải quyết theo các bản sửa lỗi. Đảm bảo chắc chắn toàn bộ các máy chủ NT và IIS được sửa lỗi với phiên bản mới nhất.
- Xóa (đừng cài đặt) toàn bộ các script từ Internet.

Cisco Routers

- Loại bỏ các tính năng như finger, telnet, và các dịch vụ, cổng khác trên thiết bị định tuyến (router).
- Bỏ các gói tin tài nguyên IP dẫn đường trong router.
- Chạy Unicast RPF để ngăn chặn người sử dụng của bạn sử dụng việc giả mạo IP.
- Sử dụng router của bạn như một firewall phía trước và thực hiện các ACL tương tự theo các luật trong firewall của bạn.

Quy định chung về cấu hình firewall

- Cấu hình của firewall nên có các luật nghiêm ngặt. Chỉ rõ các luật đối với từng loại truy nhập cả bên ngoài lẫn bên trong.
- Giảm thiểu các truy nhập từ xa tới firewall.
- Cung cấp hệ thống kiểm soát tập luật của firewall.
- Kiểm tra lại các luật.

Cisco PIX Firewalls

- Không cho phép truy cập qua telnet
- Sử dụng AAA cho việc truy cập, điều khiển hệ thống console

Kiểm soát Firewall-1

- Loại bỏ các luật mặc định cho phép mã hoá và quản lý của firewall, thay thế các luật không rõ ràng bằng các luật phân biệt rạch ròi trong công việc thực thi của bạn.
- Không sử dụng mặc định luật "allow DNS traffic" - chấp nhận luật này chỉ cho các máy chủ cung cấp DNS cho bên ngoài.

DNS bên trong

- Bất kỳ máy chủ nào cung cấp DNS bên trong và các dịch vụ mang tính chất nội bộ phải không được cung cấp DNS bên ngoài.
- Kiểm tra với nhà cung cấp DNS của bạn để cấu hình bảo vệ từ thuộc tính "cache poisoning"

(Dịch theo tài liệu [Comprehensive guide to securing networks and system](#))

NHỮNG HƯỚNG DẪN TĂNG CƯỜNG AN TOÀN, BẢO MẬT CHO HỆ THỐNG MẠNG

Mười quy tắc then chốt về an toàn và bảo mật PHẦN II

Tại trung tâm hỏi đáp về an toàn bảo mật thông tin của hãng Microsoft, hàng nghìn các bản báo cáo về an ninh hệ thống đã được nghiên cứu trong mỗi năm. Trong một số trường hợp, kết quả về mức độ an toàn của hệ thống xuất phát từ lỗi trong sản phẩm. Điều này có nghĩa là sẽ có một bản sửa lỗi phát triển ngay sau đó để khắc phục lỗi vừa tìm được. Trong một số trường hợp, các vấn đề được báo cáo là kết quả đơn giản do lỗi của ai đó tạo ra trong quá trình sử dụng sản phẩm. Nhưng lại có rất nhiều trường hợp mà không rơi vào hai trường hợp trên. Đó chính là các vấn đề an toàn bảo mật thông tin thực sự, nhưng các vấn đề này lại không do các thiếu sót từ sản phẩm. Theo năm tháng, một danh sách về những vấn đề như vậy đã được phát triển gọi là "**Mười quy tắc then chốt về an toàn và bảo mật**".

Đừng giữ hệ thống của bạn hoạt động trong khi chờ đợi một phiên bản sửa lỗi mới, mà hãy bảo vệ bạn từ các vấn đề mà chúng tôi đưa ra dưới đây. Các lỗi này không thể do Microsoft – hay bất kì các nhà sản xuất phần mềm nào có thể sửa được, bởi vì chúng được tạo ra do chính cách hoạt động của các máy tính. Nhưng cũng đừng đánh mất hết hi vọng - điều này phụ thuộc vào chính bản thân bạn với các lỗi này, và nếu bạn giữ chúng trong đầu mình, bạn có thể cải thiện một cách đáng kể các hệ thống bảo mật của bạn.

Luật #1 : Nếu một người nào đó có thể thuyết phục bạn chạy chương trình của anh ta trên máy tính của bạn, Nó sẽ không còn là máy tính của bạn nữa.

Nó chính là một trường hợp đáng tiếc của hệ thống máy tính : khi một chương trình máy tính chạy, nó sẽ thực hiện phần việc đã được lập trình, thậm chí nếu phần việc đã được lập trình gây nguy hiểm cho hệ thống máy tính. Khi bạn lựa chọn một chương trình, chính bạn đang quyết định bật chế độ điều khiển máy tính cho chương trình đó. Khi một chương trình chạy, nó có thể làm bất kì thứ gì, trên cả những công việc mà bạn có thể làm đối với hệ thống. Nó có thể điều khiển các phím bấm của bạn, nhận lấy thông tin và gửi chúng tới một website. Nó có thể mở mọi tài liệu trên hệ thống, và thay đổi chúng với từ "sẽ" trở thành "sẽ không" trong toàn bộ chúng. Nó cũng có thể gửi email khiếm nhã tới các người bạn của bạn hay có thể cài đặt một chương trình virus, tạo ra một "cửa phụ" mà dựa vào nó, một người khác có thể điều khiển máy tính của bạn từ xa.

Đó chính là lí do tại sao thật là quan trọng khi chạy, thậm chí download một chương trình từ một tài nguyên không chứng thực. "Tài nguyên", ở đây tôi muốn nói tới người viết nó, không phải người đưa nó cho bạn. Có một sự phân tích thú vị giữa việc chạy một chương trình và việc ăn một chiếc bánh sandwich. Nếu một người xa

lạ đi tới bạn và đưa cho bạn một chiếc bánh sandwich, vậy liệu bạn có ăn nó không? có lẽ là không. Nếu người bạn thân nhất của bạn đưa bạn chiếc bánh đó thì sao?, có lẽ bạn sẽ ăn, có lẽ bạn sẽ không, - điều này phụ thuộc vào liệu cô ấy làm nó hay tìm thấy nó trên phố. Việc lựa chọn sử dụng một chương trình cũng giống như bạn với chiếc bánh sandwich, điều này sẽ giúp bạn an toàn với hệ thống máy tính của bạn.

Luật #2: Nếu một người nào đó có thể sửa đổi hệ điều hành trên máy tính của bạn, Nó sẽ không còn là máy tính của bạn nữa.

Nhìn chung, hệ điều hành chỉ là một tập của các con số 1 và con số 0, khi được dịch bởi bộ vi xử lí. Việc thay đổi các con số 1 và số 0, nó sẽ làm cho một vài thứ khác đi. Nơi nào các con số 1 và số 0 này được lưu? Tại sao, trên hệ thống máy, thứ tự các con số luôn đi cùng với mọi thứ khác. Chúng chỉ là các file, và nếu một người nào khác có thể sử dụng hệ thống và được quyền thay đổi các file đó, điều này có nghĩa là hệ thống của bạn đã chết.

Để hiểu được tại sao, hãy xem hệ điều hành như các file giữa các thành phần được chứng thực trên máy tính, và chúng chạy, nhìn chung, với mức độ ưu tiên cao. Điều này có nghĩa là chúng có thể làm hầu hết mọi thứ. Giữa các thứ khác, chúng được chứng thực để quản lý account của user, điều khiển việc thay đổi password, và tạo ra các luật điều khiển những ai thao tác trên máy tính. Nếu một người nào đó có thể thay đổi chúng, hệ thống sẽ không còn hoạt động đúng nữa và tuân theo thao tác của anh ta, và sẽ không có điều gì có thể cản nổi những gì anh ta can thiệp tới hệ thống. Anh ta có thể ăn cắp password, tạo cho anh ta có quyền quản trị hệ thống, hay thêm toàn bộ các chức năng mới tới hệ điều hành. Để ngăn cản kiểu tấn công này, phải đảm bảo chắc chắn rằng các file hệ thống được bảo vệ tốt nhất.

Luật #3: Nếu một người nào đó truy cập vật lí không hạn chế tới máy tính của bạn. Nó sẽ không còn là máy tính của bạn nữa.

Mọi thứ mà một người nào đó có thể làm được nếu anh ta có thể đặt cánh tay của anh ta tới máy tính của bạn.

- Anh ta có thể quản lí được hệ thống bảo vệ an toàn, và làm hỏng máy tính của bạn với công việc phá hoại của anh ta.
- Anh ta có thể gỡ bỏ máy tính, loại nó ra khỏi tầm kiểm soát của bạn, và giữ nó với các đòi hỏi của mình
- Anh ta có thể khởi động máy tính từ một đĩa mềm, và định dạng (format) lại đĩa cứng của bạn. Nhưng hãy đợi, bạn định nói, tôi đã cấu hình BIOS trên máy tính của tôi với mật khẩu bảo vệ khi tôi khởi động máy tính. Điều này không có nghĩa gì, nếu anh ta có thể mở được trong trường hợp này và với được tới máy tính của bạn, anh ta có thể chỉ cần thay đổi các con chip của BIOS. (Thực tế còn có nhiều các cách dễ dàng hơn rất nhiều).
- Anh ta có thể loại bỏ ổ cứng từ máy tính của bạn, cắm nó vào máy tính của anh ta và đọc nó.
- Anh ta có thể tạo ra một bản sao ổ cứng của bạn, khi đó, anh ta sẽ có đủ thời gian để thực hiện mọi ý định của mình trước khi phá hoại hệ thống của bạn, như cố gắng tìm kiếm mật khẩu, mà các chương trình hiện tại được làm theo thuật toán có sẵn sẽ tự động làm điều đó. Việc có đủ thời gian sẽ giúp anh ta thành công.
- Anh ta có thể gài thêm một con chip nhỏ vào bàn phím của bạn, lúc này anh ta có thể điều khiển được mọi thứ mà bạn đánh vào, bao gồm cả mật khẩu của bạn.

Luôn luôn đảm bảo chắc chắn rằng một máy tính được bảo vệ về mặt vật chất, và nhớ rằng giá trị của hệ thống bao gồm không chỉ giá trị của bản thân phần cứng, mà còn giá trị của dữ liệu trên nó, và giá trị truy cập tới mạng của bạn mà người lạ đó có thể truy cập vào. Mức tối thiểu, các hệ thống thương mại quan trọng như các điều khiển vùng (domain controller), các máy chủ cơ sở dữ liệu (database server) và các máy chủ dịch vụ in hay máy chủ chia sẻ file nên được khoá mà chỉ cho phép người có quyền quản trị bảo trì và truy cập. Nhưng bạn có thể xem xét việc bảo vệ các hệ thống tốt hơn với các phương thức bảo vệ được thêm vào cho mỗi hệ thống.

Nếu bạn di chuyển với một máy tính cầm tay, có lẽ rằng bạn nên bảo vệ nó. Các chức năng tương tự mà tạo cho máy tính cầm tay nhỏ về kích cỡ, nhẹ về khối lượng,.. cũng tạo cho chúng dễ bị đánh cắp hơn. Có rất nhiều cách bảo vệ như các loại khoá hay các chuông báo động cho các loại máy cầm tay, và một vài mô hình giúp bạn tháo rời ổ cứng ra khỏi máy tính và có thể mang trong người bạn. bạn cũng có thể sử dụng các chức năng như mã hoá các file hệ thống để làm giảm nguy cơ nếu một người nào đó ăn cắp được máy tính. Nhưng chỉ có cách chắc chắn rằng dữ liệu của bạn an toàn và ổ cứng của bạn không bị phá là bạn nên giữ máy tính cầm tay lúc nào cũng đi theo bạn trong toàn bộ chuyến hành trình.

Luật #4: Nếu bạn cho phép một người nào đó đẩy các chương trình tới website của bạn. Nó sẽ không còn là website của bạn.

Điều này dựa trên luật 1, trong luật này người nào đó dùng thủ đoạn tiếp cận với nạn nhân trong khi download chương trình có hại trên hệ thống của anh ta và chạy nó. Còn trong trường hợp này, anh ta sẽ đẩy chương trình có hại tới hệ thống và chạy nó. Có rất nhiều người khi quản lý website quá ưu đãi với khách hàng của họ, và cho phép các vị khách có thể đẩy các chương trình tới site và chạy chúng. Điều này có thể dẫn tới hệ thống bị xâm phạm.

Nếu bạn quản lý một website, bạn cần phải giới hạn các vị khách có thể làm gì. Bạn chỉ nên cho phép một chương trình trên site của bạn chạy nếu bản thân bạn viết ra, hay nếu bạn tin tưởng được nhà phát triển mà viết chương trình đó. Nhưng điều đó vẫn còn có thể là không đủ. Nếu website của bạn là một trong một vài máy được đánh địa chỉ trên một máy chủ chia sẻ tài nguyên, bạn cần phải hết sức cẩn thận. Nếu một người nào đó có thể thoả thuận với một trong những site trên server, nó có thể giúp anh ta mở rộng điều khiển của mình tới máy chủ, mà anh ấy có thể điều khiển được mọi site trên đó, bao gồm cả bạn. Nếu bạn đang trên một máy chủ được dùng chung, điều quan trọng là phải tìm ra chính sách quản trị của server đó là gì.

Luật #5: Các mật khẩu dễ nhận có thể làm hỏng hệ thống bảo mật mạnh

Mục đích của việc đăng nhập vào máy là để biết bạn là ai. Ban đầu, hệ điều hành biết bạn là ai, nó có thể cho phép bạn truy cập tài nguyên hay từ chối. Nếu một người nào đó học được mật khẩu của bạn, anh ta có thể đăng nhập như bạn. Trong thực tế, nếu anh ta thành công, hệ thống máy sẽ coi anh ta là bạn. Bất kì bạn có thể thao tác gì với hệ thống, anh ta cũng có thể làm như vậy. Có lẽ bạn có các quyền trên mạng hơn anh ra và bạn có thể làm những thao tác mà anh ta bình thường anh ta không thể thực hiện. Hay có thể anh ta chỉ muốn làm một điều gì đó có ác ý hay đe dọa bạn. Trong bất kì trường hợp nào, tốt nhất nên bảo vệ mật khẩu của bạn.

Luôn luôn sử dụng một mật khẩu, và lựa chọn một mật khẩu phức tạp. Đừng sử dụng tên con vật của bạn, tên ngày cưới, hay tên của đội bóng địa phương mà bạn yêu thích. Và cũng đừng sử dụng từ "password" làm mật khẩu. Lấy mật khẩu nên tạo ra bằng cách có các kí tự viết chữ hoa và chữ thường đứng không theo thứ tự nào, nên sử dụng cả các con số, dấu chấm,.. và tạo ra mật khẩu có độ dài vừa đủ, và phải nhớ thay đổi mật khẩu thường xuyên. Không được viết mật khẩu ra giấy, hay bất kì đâu cho dễ nhớ. Không được nói cho bất kì ai về mật khẩu của bạn là gì.

Cuối cùng, xem xét sử dụng một cái gì đó dài hơn mật khẩu của bạn để định danh bản thân bạn với hệ thống. Bạn cũng có thể muốn các sản phẩm hiện đại như nhận dạng dấu vân tay, và quét tròng mắt để thay thế mật khẩu truyền thống.

Luật #6: Một hệ thống chỉ có độ an toàn như sự tin tưởng nhà quản trị

Mọi máy tính phải có một nhà quản trị : là một người nào đó có thể cài đặt chương trình phần mềm, cấu hình hệ điều hành, thêm và quản lí các account của user, thiết lập các chính sách về bảo mật, và điều khiển các thao tác quản lí được liên kết với việc giữ cho máy tính chạy tốt. Theo định nghĩa, các thao tác này đòi hỏi anh ta có toàn quyền với hệ thống. Điều này đặt nhà quản trị trong một vị trí rất quan trọng với hệ thống. Với một nhà quản trị không đáng tin cậy có thể loại bỏ hoàn toàn các quy chế về an toàn bảo mật mà bạn đã tạo ra. Anh ra

có thể thay đổi quyền trên hệ thống, sửa các chính sách bảo mật của hệ thống, cài đặt các chương trình có hại vào trong hệ thống, thêm các user không có thật vào trong hệ thống hay làm bất kì điều gì với hệ thống. Anh ta có thể làm hỏng hệ thống ảo và bảo vệ của hệ điều hành, bởi vì anh ta điều khiển nó. Nếu bạn có một nhà quản trị không mấy tin tưởng, bạn có thể không có chế độ bảo mật.

Khi thuê một nhà quản trị hệ thống, hãy nhìn nhận vị trí tin cậy của nhà quản trị, và chỉ mượn những người mà có chứng nhận về độ tin cậy. Gọi tới các đồng nghiệp của anh ta, hỏi họ về công việc của anh ta trước đó, đặc biệt với bất cứ điều gì liên quan tới tính chất bảo mật dù chỉ là việc nhỏ. Nếu thích hợp cho tổ chức của bạn, bạn có thể xem xét từng bước với anh ta khi bước chân vào môi trường bảo mật của công ty.

Kế tiếp, tạo ra các bước giúp hệ thống trung thực hơn nữa. Sử dụng các bảng đăng nhập để nắm bắt xem ai vừa ở trong trạng thái quản trị. Đa dạng hoá các thao tác quản trị với mức độ cao nhất có thể được, như một là làm tối thiểu hoá các tính năng mà mỗi nhà quản trị có được. Cũng như vậy, đừng sử dụng account Admin, thay thế vào đó đưa cho mỗi nhà quản trị một account riêng biệt với quyền quản trị, vậy bạn có thể biết được ai đang làm gì theo bảng tiến trình làm việc của anh ta. Bạn càng có nhiều nhà quản trị, bạn gần như càng có ít vấn đề về bảo mật.

Luật #7: Dữ liệu được mã hoá chỉ như chìa khoá giải mã

Giả như bạn vài đặt một hệ thống khoá lớn nhất, mạnh nhất, có độ bảo mật tốt nhất trên thế giới cho hệ thống của bạn, nhưng bạn phải đặt mã để mở được hệ thống đó. Nó sẽ thực sự là mạnh như thế nào, điều này còn phụ thuộc vào chìa khoá cho hệ thống khoá đó. Nếu chìa khoá quá giản đơn với hệ thống được bảo vệ, kẻ trộm có thể tìm ra nó. Vậy anh ta đã có mọi thứ để mở cánh cửa đó. Dữ liệu được mã hoá cũng chỉ an toàn như chìa khoá để giải mã nó.

Rất nhiều hệ điều hành và các sản phẩm phần mềm về thuật toán mã hoá cho bạn một tùy chọn xem việc chứa các chìa khoá mã trên máy tính như thế nào. Thuận lợi của phương pháp này đó chính là bạn không phải thao tác khoá bằng tay, nhưng có được điều này đồng nghĩa với việc bạn phải trả một số tiền không nhỏ cho sản phẩm mã hoá. Các chìa khoá thường làm rối rắm và điều này thường rất tốt với hệ thống được mã hoá. Nhưng cuối cùng, nếu như mã đó bị phát hiện, việc mã hoá này cũng trở nên vô tác dụng vì một người nào đó vẫn có thể viết ra các chương trình bẻ khoá.

Luật #8: Một hệ thống quét virus hết hạn thì cũng còn tốt hơn không có hệ thống diệt virus nào

Các hệ thống quét virus làm việc được so sánh như hệ thống máy tính của bạn đối chọi với một loại virus được đăng kí. Mỗi một chữ kí là kí tự của một virus đặc biệt, và khi hệ thống quét tìm dữ liệu trong một file, email, hay bất kì đâu mà điền chữ kí. nó thông báo rằng đã tìm thấy virus. Tuy nhiên, một hệ thống quét virus có thể chỉ quét cho các virus mà nó đã biết. Điều này thật cần thiết cho hệ thống của bạn được cập nhật thường xuyên hệ thống diệt virus vào mọi ngày.

Phần mềm bảo vệ virus ảo cung cấp một cách nhận các chữ kí cập nhật miễn phí từ website của họ. Thực tế, rất nhiều phần mềm dạng này có dịch vụ đẩy thêm các cập nhật mới, mà họ sẽ gửi các thông báo khi cập nhật một virus mới. Những kẻ viết virus mới phát triển các kĩ thuật mới mà đòi hỏi các hệ thống quét virus thay đổi cách làm việc của chúng như thế nào.

Luật #9: Tình trạng dấu tên hoàn toàn không thực tế

Toàn bộ loài người ảnh hưởng lẫn nhau bao hàm việc trao đổi dữ liệu về mọi mặt. Nếu một người nào đó đưa ra đủ dữ liệu, họ có thể mô tả được bạn. Hãy nghĩ về toàn bộ thông tin mà một người có thể thu được chỉ trong một cuộc hội thoại ngắn với bạn. Chỉ một cái liếc mắt, họ có thể phán đoán chiều cao, số cân, hay tuổi xấp xỉ mà bạn có. Giọng của bạn có thể nói cho họ biết rằng bạn từ đâu đến, và có thể thậm chí nói cho họ biết một vài điều về gia đình bạn, sở thích của bạn, nơi bạn sống, và bạn đang làm gì để kiếm sống. Điều đó không mất

nhiều thời gian cho bất kì ai muốn thu lượm thông tin để mô tả bạn là ai. Nếu bạn ao ước được giấu mặt hoàn toàn, cách tốt nhất là sống trong hang động và tránh xa tiếp xúc với loài người.

Điều tương tự cũng đúng với Internet. Nếu bạn thăm một website, người chủ có thể, nếu anh ta muốn biết bạn là ai. Cuối cùng, các con số 1 và các con số 0 mà tạo ra các phiên làm việc web có thể tìm được cách của chúng để đến được đúng nơi cần đến, và đó là máy tính của bạn. Có rất nhiều cách bạn có thể che dấu các bit, và bạn càng sử dụng chúng nhiều, các bit bạn sử dụng phải được che dấu nhiều hơn. Trong trường hợp, bạn có thể sử dụng địa chỉ mạng để che địa chỉ IP thật của bạn, sử dụng một thuê bao Internet khác nhau cho các mục đích khác nhau,... Toàn bộ điều này có thể làm cho bạn khó bị phát hiện hơn khi kiểm tra bạn là ai, nhưng không một cách nào có thể loại bỏ hoàn toàn các thông tin về bạn. Bạn có biết chắc chắn ai điều hành dịch vụ che dấu thông tin?, có thể đó là một người nào đó sở hữu website mà bạn vừa duyệt! hay website mà bạn mới ghé thăm hôm trước đề xuất mail tới bạn một phiếu thưởng 10\$? Có lẽ người chủ các trang web này sẽ hài lòng khi chia sẻ thông tin của bạn với một website khác. Nếu vậy, trang web thứ hai lại tiếp tục,... và sẽ kiểm tra được bạn là ai.

Vậy điều đó có nghĩa là chính sách trên web chính là nguyên nhân làm mất tính bảo mật? không phải hoàn toàn như vậy. Nó chỉ là phương cách tốt nhất để bảo vệ tính riêng tư của bạn khi truy cập Internet, cũng giống như bảo vệ bạn trong cuộc sống đời thường theo cách xử sự của bạn. Hãy đọc các lời mô tả về tính riêng tư trên các website khi bạn ghé thăm, và chỉ thực iện mua bán với một người nào đó nếu thoả mãn các đòi hỏi của bạn. Nếu bạn lo lắng về các cookies, hãy bỏ chúng đi. Quan trọng hơn là nên tránh các website không có chứng thực, điều này cũng giống như trong hầu hết các thành phố đều có những con đường mà ta nên tránh đi, Internet cũng làm như vậy. Nhưng nếu như bạn muốn không có ai biết về bạn, tốt hơn hết là tìm một hang động để trú ngụ.

Luật #10: Công nghệ không phải là tất cả

Công nghệ có thể làm một vài điều gây kinh ngạc cho mọi người. Những năm gần đây chúng ta đã được nhìn thấy sự phát triển tốt bậc trong cả phần cứng cũng như phần mềm như: phần cứng rẻ đi và có nhiều tính năng mới, phần mềm cũng phát triển song song với phần cứng như tạo các tiêu chuẩn mới trong vấn đề an toàn và bảo mật v các ngành khoa học khác liên quan tới máy tính. Nó mở ra viễn cảnh mà công nghệ có thể tạo ra một thế giới mới với tính năng an toàn bảo mật tuyệt đối, nếu chúng ta làm việc chăm chỉ. Tuy nhiên, điều này là không thực tế.

Bảo mật hoàn hảo đòi hỏi phải có công nghệ hoàn hảo tương ứng, điều này không tồn tại, và **thực tế chưa bao giờ tồn tại**. Việc phát triển phần mềm là một ngành khoa học không chính xác, và toàn bộ các phần mềm đều có lỗi. Một số có thể do sử dụng quá tải dẫn đến không an toàn bảo mật. Nhưng thực tế với ngay cả phần mềm được lập trình hoàn hảo, nó cũng vẫn không giải quyết được toàn bộ các vấn đề. Hầu hết các tấn công bao gồm nhiều cấp, từ mức này tới mức khác. Việc tăng giá thành và độ khó trong công nghệ về an toàn bảo mật, và kẻ xâm phạm hệ thống sẽ tìm cách phá hoại hệ thống này theo cách khác, như về con người chẳng hạn. Bạn có thể duy trì được hệ thống bảo mật của bạn tốt hơn nữa hay bạn lại trở thành nguyên nhân gây ra lỗi cho hệ thống.

Giải pháp là thừa nhận hai điểm mang tính bản chất. Điểm thứ nhất, an toàn bảo mật bao gồm cả công nghệ và chính sách, có nghĩa là, nó kết hợp công nghệ và hệ thống của bạn an toàn đến đâu với các vấn đề thuộc bản chất. Điểm thứ hai, an toàn bảo mật là một quá trình, không có kết thúc, nó không phải là một vấn đề mà có thể giải quyết một lần cho tất cả; nó là một tập các vấn đề luôn tồn tại và các biện pháp giữa người mang tính bảo vệ và người mang tính phá hoại. Chìa khoá để đảm bảo rằng bạn có một hệ thống bảo mật tốt đó phụ thuộc chính vào yếu tố con người và các chính sách của

Sưu tâm tại website Theo HVAonline.net